

ANH HÙNG
LAO ĐỘNG



BẢN TIN THÔNG TIN LÝ LUẬN & THỰC TIỄN

SỐ 01 - 2021

TRONG SỐ NÀY



THÔNG TIN LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

3

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở địa phương đáp ứng yêu cầu làm việc trong môi trường quốc tế

Phạm Văn Tuấn

9

Vận dụng Nghị quyết số 35-NQ/TW vào giảng dạy học phần “Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh” trong chương trình Trung cấp Lý luận chính trị

Lê Thị Nhung



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

15

Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 - niềm kiêu hãnh và tự hào của dân tộc Việt Nam

Nguyễn Thị Hồng Thuận

17

Giảng viên Trường Chính trị tỉnh Thái Bình với việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong giai đoạn hiện nay

Lê Mai Phương

19

Nhận diện, phê phán những luận điệu xuyên tạc chủ nghĩa Mác của các thế lực thù địch về đấu tranh giai cấp ở nước ta hiện nay

Nguyễn Xuân Đĩnh

24

Chính sách, pháp luật của Nhà nước về tích tụ, tập trung ruộng đất cho phát triển nông nghiệp hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao ở Việt Nam hiện nay

Vũ Thị Hồng Hoa

31

Một số điểm mới về chính quyền địa phương theo Luật số 47/2019/QH14

Lại Thị Giang

33

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng

Bùi Đức Dũng

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

TS. NGUYỄN ĐỨC LUẬN

Bí thư Đảng ủy,

Hiệu trưởng

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban

ThS. LÊ THỊ NHUNG

Phó Hiệu trưởng

Phó trưởng ban

ThS. PHẠM VĂN TIÊN

Phó Hiệu trưởng

Ủy viên

ThS. VŨ THỊ HỒNG HOA

ThS. NGUYỄN THỊ NGỌC THỦY

ThS. LẠI THANH SƠN

ThS. NGUYỄN THỊ HỒNG THUẬN

ThS. PHÙNG THỊ HƯƠNG HUỆ

ThS. LẠI THỊ GIANG

ThS. TRẦN THỊ THÊM

ThS. NGUYỄN THỊ ÁNH TUYẾT

Thư ký

ThS. PHẠM PHƯƠNG THẢO

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI BÌNH

Đ/c: Số 332 – Đường Lý Thường Kiệt -

Thành phố Thái Bình

Điện thoại: 02273.738.190

Website: <http://truongchinhtrithaibinh.edu.vn>

Email: truongchinhtrithaibinh@thaibinh.gov.vn

truongchinhtrithaibinh@hn.vnn.vn

In 180 bản, khổ 19 x 27 cm, tại Cơ sở in Liên Hoàn. Số 44/74 Lý Thường Kiệt, phường Lê Hồng Phong, Thành phố Thái Bình

Giấy phép xuất bản số 104/GP-XBBT do Sở Thông tin và Truyền thông cấp ngày 04/11/2021

In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 năm 2021.

36 Thúc đẩy liên kết trong sản xuất nông nghiệp góp phần phát triển kinh tế nông thôn ở tỉnh Thái Bình

Đinh Thị Thúy Hà



MÔ HÌNH - KINH NGHIỆM

39 Một số giải pháp đổi mới công tác quản lý và tổ chức thi góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng ở Trường Chính trị tỉnh Thái Bình hiện nay

Nguyễn Thị Ngọc Thủy

42 Một số nét khái quát về dạy học nêu vấn đề

Phùng Thị Hương Huệ

46 Một số kinh nghiệm về sử dụng các phương pháp tích cực trong giảng dạy các chuyên đề CNXH khoa học (phần học Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin)

Trần Thị Nhân

48 Phát huy vai trò của chủ nhiệm lớp trong công tác quản lý lớp học ở Trường Chính trị tỉnh Thái Bình

Bùi Thị Quý

51 Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về tuyên truyền vào giảng dạy phần học “Nghệ thuật công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể nhân dân ở cơ sở”

Nguyễn Thị Nhung Trang

54 Giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng ủy cấp xã trong công tác giảm nghèo nhanh và bền vững tại tỉnh Thái Bình hiện nay

Trần Thị Lệ Chi

58 Một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền ở cơ sở

Trần Đăng Lâm

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ Ở ĐỊA PHƯƠNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU LÀM VIỆC TRONG MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ

*

Đồng chí Phạm Văn Tuấn

Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy

1. Nhận diện về môi trường làm việc quốc tế đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý ở địa phương

Môi trường quốc tế là không gian có sự tham gia của các cá nhân, tổ chức nước ngoài với nhiều cấp độ: từ cấp cao đến cấp thấp, từ song phương đến đa phương, từ chính thức đến phi chính thức... Môi trường quốc tế là tổng thể các điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đối ngoại, an ninh - quốc phòng..., đại diện cho quan hệ lợi ích trên các lĩnh vực then chốt, đan xen, tương tác, ràng buộc lẫn nhau giữa nước ta với các nước và các tổ chức quốc tế.

Trong quá trình hội nhập quốc tế, mỗi nước đều theo đuổi lợi ích của mình thông qua việc tự giác, chủ động hợp tác, liên kết sâu rộng với các quốc gia khác trên từng lĩnh vực hoặc nhiều lĩnh vực dựa trên sự chia sẻ về nhận thức, lợi ích, mục tiêu, giá trị, nguồn lực, quyền lực và chủ động chấp nhận; tuân thủ, tham gia xây dựng các luật chơi chung, chuẩn mực chung trong khuôn khổ các định chế hoặc tổ chức quốc tế. Hội nhập quốc tế là xu hướng khách quan đòi hỏi cán bộ lãnh đạo, quản lý phải có được những năng lực nhất định mới có khả năng đáp ứng được những yêu cầu cả trước mắt và lâu dài.

Làm việc trong môi trường quốc tế là hoạt động tương tác giữa những con người thuộc nhiều quốc gia, tộc người, tôn giáo, nền văn hóa, ngôn ngữ đa dạng. Căn cứ cho hoạt động là dựa trên cả luật pháp quốc gia, luật

pháp nước sở tại và luật pháp/tập quán quốc tế, mà ở đó, lợi ích cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, dân tộc và nhân loại đan cài rất phức tạp. Hoạt động trong môi trường quốc tế có thể diễn ra theo cơ chế song phương hoặc đa phương, chính thức hoặc phi chính thức. Tư cách hoạt động có khi là “chủ”, có khi lại hoá đổi thành “khách”, ngày nay còn phải hoạt động trên cả môi trường không gian số. Làm việc trong môi trường quốc tế có thể với tư cách hoạt động tập thể hoặc hoạt động cá nhân, hoạt động tổng hợp hoặc hoạt động chuyên biệt trên một phân hệ, lĩnh vực mà giữa chúng có quan hệ tương tác lẫn nhau.

Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, các địa phương của Việt Nam cũng từng bước tham gia sâu, rộng vào hội nhập quốc tế thông qua nhiều phương thức, từ việc thu hút đầu tư trực tiếp, gián tiếp của nước ngoài; đến hoạt động của các tổ chức phi chính phủ; hoạt động hợp tác trên các lĩnh vực văn hóa, xã hội; hoạt động hợp tác, chuyển giao khoa học, công nghệ của các doanh nghiệp... đòi hỏi yêu cầu về công tác lễ tân, ngoại giao, hợp tác, quản lý hoạt động của các cá nhân, tổ chức nước ngoài ở các địa phương ngày càng phức tạp, đa dạng.

2. Năng lực cán bộ lãnh đạo, quản lý ở địa phương đáp ứng yêu cầu làm việc trong môi trường quốc tế

Năng lực làm việc trong môi trường quốc tế là những đặc điểm, thuộc tính tâm lý bảo đảm cho chủ thể hoạt động (cán bộ lãnh đạo,

quản lý) thực hiện một cách chủ động, có hiệu quả nhất những nhiệm vụ được giao phó trong điều kiện phải xử lý hài hòa các mối quan hệ lợi ích về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, đối ngoại, an ninh - quốc phòng... của nước ta với các quốc gia, các tổ chức trên thế giới, phù hợp với luật pháp nước ta và luật pháp quốc tế.

Không thể hội nhập quốc tế thành công nếu không có đội ngũ cán bộ đủ năng lực tương ứng. Vì tính phức tạp nêu trên, nên người cán bộ lãnh đạo, quản lý làm việc trong môi trường quốc tế chỉ thành công khi hội đủ trình độ, phẩm chất, năng lực nhất định. Tùy theo trình độ, khả năng nhận thức và sự trải nghiệm của từng cán bộ lãnh đạo, quản lý mà sự tác động của từng yếu tố này cũng khác nhau. Để đáp ứng được yêu cầu làm việc trong môi trường quốc tế, người cán bộ lãnh đạo quản lý phải có các năng lực cơ bản sau:

** Về lập trường tư tưởng, bản lĩnh chính trị*

Cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp phải thấm nhuần chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm của Đảng ta. Trong đó, những vấn đề cốt lõi phải nắm vững, biến thành phương pháp xử lý nhuần nhuyễn khi tác nghiệp hằng ngày, như giữa đối tác và đối tượng, hợp tác và đấu tranh, kiên định lợi ích quốc gia dân tộc và hội nhập quốc tế. Môi trường làm việc quốc tế đòi hỏi người cán bộ lãnh đạo, quản lý phải có bản lĩnh chính trị vững vàng; hiểu rõ bản chất chính trị của đối tác, đối tượng, không lơ là mất cảnh giác, xa rời nguyên tắc khi hoạt động hoặc quá cứng nhắc, thiếu linh hoạt cần thiết; nhạy bén, tinh táo trong nhận diện những cạm bẫy được ngụy trang rất tinh vi, dưới nhiều hình thức khác nhau, nhất là những cạm bẫy về tiền tài, vật chất khi phải làm việc với những đối tác quốc tế liên quan đến những dự án thuộc lợi

ích quốc gia; phải xử trí trước mọi tình huống trong môi trường làm việc quốc tế với phương châm: hội nhập nhưng không hòa tan, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc trong môi trường làm việc quốc tế; cảnh giác với những âm mưu của các thế lực thù địch thông qua hội nhập để thực hiện “điển biến hòa bình” đối với Việt Nam.

** Về vốn văn hóa - lịch sử dân tộc, địa phương và đạo đức cách mạng*

Hội nhập quốc tế sâu rộng đòi hỏi cán bộ phải đứng vững trên nền tảng văn hóa dân tộc, nắm vững lịch sử địa phương thì mới khai thác tốt nhân tố thời đại phục vụ cho lợi ích quốc gia - dân tộc, biến ngoại lực thành nội lực. Không có nền tảng văn hóa dân tộc vững chắc, cán bộ khi hội nhập dễ bị “lóa mắt” trước những cái mới lạ, rồi rơi vào bi lụy, xem nhẹ giá trị dân tộc, hình thành tư tưởng sùng ngoại. Nền tảng văn hóa dân tộc chính là vốn hiểu biết về đất nước, con người, lịch sử, văn hóa của dân tộc, của địa phương. Trong hội nhập quốc tế, nền tảng văn hóa giúp cho cán bộ luôn biết danh dự, tự tôn dân tộc để khi thấy cái yếu của mình mà không rơi vào tự ti, thậm chí phải tìm cách bứt phá vươn lên; thấy cái hay của người không bị “mê hoặc”, mà luôn tỉnh táo, biết chọn lọc cái phù hợp để học tập, phòng ngừa chủ nghĩa giáo điều. Trong môi trường làm việc quốc tế, mỗi người cán bộ lãnh đạo, quản lý còn có sứ mệnh quảng bá những giá trị văn hóa, cốt cách, tâm hồn con người Việt Nam ra với thế giới. Để thực hiện được sứ mệnh ấy, đội ngũ này còn phải hiểu biết sâu sắc lịch sử và những giá trị đặc sắc của văn hóa dân tộc, biết chắt lọc, kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với tinh hoa văn hóa nhân loại trong công việc thuộc lĩnh vực được phân công. Hoạt động trong môi trường quốc tế luôn cần đến khả

năng chia sẻ giá trị giữa các nền văn hóa, giúp đối tác, bạn bè hiểu biết về Việt Nam.

Người cán bộ lãnh đạo, quản lý không chỉ giỏi về chuyên môn, vững vàng về lập trường chính trị, mà còn phải là người có *đạo đức cách mạng*. Hội nhập quốc tế là tham dự vào một môi trường rất phức tạp, mà ở đó người cán bộ phải luôn đối diện với cả đối tượng và đối tác, lợi ích cá nhân và lợi ích quốc gia - dân tộc, cơ hội mang lại và khả năng thua thiệt,... đan xen nhau. Vì vậy, tăng cường phẩm chất đạo đức bảo đảm cho người cán bộ trong hội nhập quốc tế luôn giữ vững phương hướng, không mơ hồ, mất cảnh giác, không vì lợi ích cá nhân mà xem nhẹ lợi ích quốc gia - dân tộc.

** Về trình độ, năng lực chuyên môn*

Môi trường làm việc quốc tế là môi trường cạnh tranh rất khốc liệt về chuyên môn, trí tuệ và công nghệ cao. Do đó, cán bộ lãnh đạo, quản lý phải nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp, đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ công tác, có hiểu biết sâu, rộng về văn hóa, phong tục, tập quán của các nước và định chế, luật pháp và thông lệ quốc tế. Để làm việc hiệu quả trong môi trường quốc tế, người cán bộ lãnh đạo, quản lý phải được trang bị đủ những kiến thức về thể chế, hệ thống chính trị quốc tế và hiểu biết sâu sắc về chính trị quốc tế, đặc biệt là về quan hệ giữa các nước lớn trên thế giới, những nước có quan hệ đối tác chiến lược với Việt Nam, các nước ASEAN, những nước láng giềng và bạn bè truyền thống.

Năng lực chuyên môn là cơ sở cho đàm phán, thương thảo, thực hiện các thỏa thuận hợp tác trong hội nhập quốc tế. Trong những lĩnh vực chuyên ngành, cán bộ phải chuyên sâu về từng loại hình, cấp độ, phạm vi, quy mô với cả lợi thế và bất lợi thế,... nhờ đó mà khi thương thảo, xác định lộ trình thực hiện

các cam kết hội nhập cũng như tình hình thực hiện bảo đảm cho chúng ta tận dụng được lợi thế và hạn chế bất lợi. Năng lực chuyên môn sâu là cơ sở giúp nắm bắt lợi thế và bất lợi của từng nước, trên cơ sở đó lựa chọn đối tác và phương pháp hợp tác có khả năng bổ sung cho hạn chế của Việt Nam trong hội nhập quốc tế. Hội nhập quốc tế cũng tạo ra các thách thức; vì vậy, trình độ, kiến thức chuyên ngành phải đủ để nhận diện, phân tích các mối đe dọa, nhờ đó xác định cách thức hợp tác hiệu quả, phòng ngừa các rủi ro và ứng phó có hiệu quả với các thách thức.

** Về tác phong, kỹ năng giao tiếp*

Làm việc trong môi trường quốc tế phải tuân theo những kỷ luật, tác phong nghiêm ngặt nhất định, đặc biệt đối với những phong cách đã trở thành giá trị phổ quát mang tính thông lệ quốc tế. Do đó, cán bộ lãnh đạo, quản lý cần có kỷ luật cao; có khả năng làm việc độc lập trong điều kiện không phải lúc nào cũng có liên hệ được với bộ phận lãnh đạo ở trong nước; có khả năng tổ chức nhóm và làm việc nhóm. Trong các cuộc đàm phán, đối tác bao giờ cũng tìm cách *áp đặt các luật chơi* có lợi cho họ, nên cán bộ làm việc trong môi trường quốc tế phải thích ứng với cường độ lao động cao, có phong cách làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, phù hợp với thông lệ quốc tế. Một yêu cầu cấp bách là phải khắc phục tình trạng yếu kém về ngoại ngữ. Trong thời đại không gian số phát triển thì cán bộ phải làm chủ cả về tin học, cách thức sử dụng các phương tiện kỹ thuật số phục vụ cho hội nhập quốc tế.

Người cán bộ lãnh đạo, quản lý không chỉ giao tiếp giỏi, mà còn phải nắm vững nghệ thuật đàm phán, thương lượng, biết cách chia sẻ các giá trị chung, quảng bá những giá trị của dân tộc khi làm việc với các đối tác quốc tế. Ngày nay, trong điều kiện bùng nổ thông

tin toàn cầu, kỹ thuật số... giao tiếp không chỉ là bằng lời nói và chữ viết, cử chỉ hay ngôn ngữ cơ thể, mà còn thông qua tương tác trên nền tảng đa phương tiện, qua các ứng dụng số, mạng xã hội. Vì vậy, người cán bộ lãnh đạo, quản lý cần chủ động, nhanh chóng làm chủ kỹ năng giao tiếp này trong kỷ nguyên số.

3. Định hướng giải pháp về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý ở địa phương đáp ứng yêu cầu làm việc trong môi trường quốc tế

Tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng, không chỉ có những thời cơ, thuận lợi mà còn phải đối mặt với nhiều thách thức, khó khăn. Vì vậy, để hội nhập thành công, Đảng, Nhà nước ta phải xây dựng được đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có đủ năng lực, phẩm chất, đáp ứng được yêu cầu làm việc trong môi trường quốc tế.

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19-5-2018 của Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đầy đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, đã xác định mục tiêu đến năm 2030:

Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý ở địa phương: Từ 15-20% cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh dưới 40 tuổi, từ 25-35% đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế; từ 20-25% cán bộ lãnh đạo chủ chốt và ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp huyện dưới 40 tuổi.

Xuất phát từ thực trạng năng lực đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở địa phương và nhằm đảm bảo mục tiêu về tỷ lệ cán bộ đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế đến năm 2030, trong thời gian tới, các tỉnh ủy, thành ủy cần quan tâm triển khai thực hiện một số biện pháp cơ bản sau:

Một là, nâng cao nhận thức của cấp ủy các cấp về yêu cầu quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của địa phương đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là một trong những khâu quan trọng của công tác cán bộ. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế là một trong những yêu cầu mới, do đó cần sự đầu tư lâu dài và toàn diện, cần sự quan tâm đặc biệt của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp và người đứng đầu.

Hai là, tổ chức thực hiện tốt công tác quy hoạch các chức danh cán bộ. Công tác quy hoạch cần được tiến hành nghiêm túc, bài bản, khách quan, công tâm. Quá trình quy hoạch cần dựa vào các tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể phù hợp với từng chức danh cán bộ. Cán bộ được đưa vào quy hoạch phải là những người được đào tạo bài bản, giàu phẩm chất, có khát vọng phát triển, cống hiến, thực sự có tiềm năng phát triển.

Ba là, xây dựng đề án đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý của địa phương đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ với các yêu cầu cơ bản về trình độ, năng lực, phẩm chất và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế. Đề án cần xác định rõ mục tiêu 5 năm, 10 năm về số lượng nguồn cán bộ theo từng độ tuổi cần được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu về năng lực, phẩm chất. Theo đó, cụ thể hóa thành mục tiêu cần đào tạo, bồi dưỡng hàng năm trên các mặt về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, luật pháp, am hiểu văn hóa dân tộc, địa phương, văn hóa của những nước có nhiều hoạt động quan hệ đối ngoại với địa phương, ngoại ngữ, tin học, kỹ năng làm việc, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, lễ tân, ngoại giao, môi trường làm việc trên không gian mạng, số

hóa... Số lượng cán bộ đào tạo nguồn cần đảm bảo nhiều hơn số lượng cán bộ cần bổ nhiệm từ 20-30% để đảm bảo yêu cầu về chọn lọc trong quá trình bổ nhiệm.

Bốn là, tổ chức công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ một cách nghiêm túc, bài bản. Cần lựa chọn các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có năng lực, phù hợp với từng lĩnh vực chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ cần đào tạo, bồi dưỡng. Công tác đào tạo cán bộ nguồn, nhất là cán bộ trẻ cần tổ chức theo hình thức tập trung để đảm bảo sự chuyên tâm học tập.

Căn cứ vào vị trí quy hoạch và tiêu chuẩn chức danh, cơ quan quản lý cán bộ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm. Mỗi năm, cán bộ quy hoạch sẽ tham gia từ 2-3 khóa bồi dưỡng ngắn hạn (từ 5-10 ngày/khóa bồi dưỡng), mỗi khóa bồi dưỡng tập trung vào bổ sung một mặt năng lực nhất định theo yêu cầu của chức danh cán bộ. Như vậy, sau 5-10 năm, cán bộ quy hoạch được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng toàn diện trên các mặt, đảm bảo được yêu cầu về kiến thức, năng lực làm việc trong môi trường quốc tế.

Các chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phải được xây dựng khoa học, cân đối giữa lý thuyết và thực hành; coi trọng phát triển kỹ năng, bám sát yêu cầu thực tế của cán bộ; quy mô lớp học hiệu quả chỉ từ 25-30 học viên/trên lớp; công tác đào tạo, bồi dưỡng phải phát huy tối đa ưu thế của các phương pháp, phương tiện dạy học hiện đại; chú trọng thực hành; tăng cường nghiên cứu thực tế.

Về năng lực ngoại ngữ, ở cấp độ cơ bản nhất để làm việc được trong môi trường quốc tế, thì cán bộ cần phải có khả năng giao tiếp thành thạo bằng ngoại ngữ. Các địa phương cần đội ngũ cán bộ biết một số ngoại ngữ cơ bản như tiếng Anh, Trung, Hàn, Nhật... Để cán bộ có thể giao tiếp thành thạo ngoại ngữ, cán bộ trẻ (dưới 40 tuổi) phải được đào tạo tập

trung liên tục từ 6 đến 9 tháng tại các cơ sở đào tạo có năng lực, bằng giáo viên nước bản địa; để việc học tập được nghiêm túc, người học có áp lực và động lực, cần có quy định cụ thể về tiêu chuẩn đầu ra theo chuẩn chứng chỉ nước ngoài (như chứng chỉ TOEFL hoặc IELTS đối với tiếng Anh, chứng chỉ HSK đối với tiếng Trung). Cán bộ được cử đi học cần được kiểm tra năng lực học tập ngoại ngữ; sau thời gian tập trung học tập theo yêu cầu mà chưa đạt trình độ theo quy định thì phải tự bỏ kinh phí học tập cho đến khi đạt tiêu chuẩn theo quy định, có như vậy, cán bộ mới học tập ngoại ngữ một cách nghiêm túc, có chất lượng, tránh hình thức, lãng phí.

Năm là, coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ trong môi trường công việc thực tiễn.

Việc đào tạo kiến thức, bằng cấp, chứng chỉ là cần thiết, tuy nhiên, cán bộ lãnh đạo, quản lý là người làm việc thực tiễn; năng lực công tác, hiệu quả công việc mới là thước đo về năng lực của cán bộ lãnh đạo, quản lý. Do vậy, song hành với việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng thường xuyên, hàng năm, cán bộ trong diện quy hoạch cần được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, chọn lọc thường xuyên trong thực tiễn thông qua nhiều hình thức.

Tại cơ quan, đơn vị, địa phương, cán bộ quy hoạch cần được giao việc để thử thách, cần được bố trí các công việc tiệm cận với vị trí được quy hoạch để cán bộ được làm việc, học việc, thử thách trong công việc. Mỗi vị trí công tác, cán bộ cần từ 2-3 năm để nắm bắt, học hỏi, trải nghiệm. Thông qua việc luân chuyển, đảm nhiệm nhiều vị trí công tác khác nhau, cũng cho thấy được năng lực học hỏi, ứng biến, thích nghi với hoàn cảnh, môi trường công tác, từ đó, năng lực, bản lĩnh của người cán bộ được rèn luyện và nâng cao.

Sáu là, tổ chức cho cán bộ đi khảo sát, học tập các khóa ngắn hạn ở nước ngoài. Quá trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ phục vụ cho nhu cầu hội nhập, các địa phương có thể lựa chọn các cán bộ có năng lực nổi trội, ưu tú hoặc các cán bộ làm việc trong các đơn vị, bộ phận trực tiếp quản lý, tham mưu xử lý các công việc liên quan đến người nước ngoài,... đi khảo sát, học tập các khóa ngắn hạn ở các nước có nền giáo dục tiên tiến, các nước có kinh nghiệm về hội nhập quốc tế hoặc các nước có mối quan hệ hợp tác quốc tế chặt chẽ với địa phương để nâng cao kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, tầm nhìn cho đội ngũ cán bộ.

Như vậy, để hội nhập quốc tế thành công, chúng ta phải chủ động chuẩn bị trên nhiều phương diện, trong đó, then chốt là công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ngang tầm với yêu cầu hội nhập, vì “cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, “muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém”. Nhận thức được đặc điểm của môi trường làm việc quốc tế; yêu cầu về năng lực, phẩm chất của cán bộ lãnh đạo, quản lý trong môi trường làm việc quốc tế; để thực hiện được mục tiêu về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế, các cấp ủy đảng, chính quyền ở địa phương phải nhận thức đầy đủ, thực sự vào cuộc, xây dựng và thực hiện một cách nghiêm túc, trách nhiệm, quyết liệt đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý đáp ứng yêu cầu của hội nhập quốc tế. Có như vậy, trong vòng 5 đến 10 năm tới, các địa phương mới có đội ngũ cán bộ đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế, đáp ứng và thúc đẩy được tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hội nhập sâu rộng vào đời sống kinh tế - xã hội quốc tế, góp

phần thực hiện thành công các mục tiêu phát triển mà Đảng và Nhà nước ta đã đặt ra tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 10-4-2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế.
2. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19-5-2018 của Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đầy đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.
3. PGS. TS. Nguyễn Chí Hiếu, *Nâng cao năng lực làm việc trong môi trường quốc tế của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan Trung ương đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế*. <https://tuyengiao.vn/nghien-cuu/ly-luan/nang-cao-nang-luc-lam-viec-trong-moi-truong-quoc-te-cua-doi-ngu-can-bo-lanh-dao-quan-ly-o-cac-co-quan-trung-116359>.
4. PGS. TS. Vũ Thanh Sơn, *Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế - Một vấn đề đặt ra*. <http://www.xaydungdang.org.vn/Home/MagazineStory.aspx?mid=136&mzid=1466&ID=3304>.
5. TS. Đặng Xuân Hoan, *Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế*. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/03/17/dao-tao-boi-duong-can-bo-cong-chuc-du-ka-nang-lam-viec-trong-moi-truong-quoc-te>.
6. ThS. Nguyễn Thị Quyên, *Những điều kiện bảo đảm hiệu quả làm việc cho cán bộ trong môi trường quốc tế*. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/07/23/nhung-dieu-kien-bao-dam-hieu-qua-lam-viec-cho-can-bo-trong-moi-truong-quoc-te>.

VẬN DỤNG NGHỊ QUYẾT SỐ 35-NQ/TW VÀO GIẢNG DẠY HỌC PHẦN “NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH” TRONG CHƯƠNG TRÌNH TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

ThS. Lê Thị Nhung

Phó Hiệu trưởng

Ngày 22/10/2018, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW về *tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*. Nghị quyết đã đề ra mục tiêu, quan điểm và 7 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu. Trong đó có 2 nhóm nhiệm vụ, giải pháp liên quan trực tiếp đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là:

“1. Tiếp tục làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức ngày càng đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội, xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

...

3. Đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyên truyền về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch theo hướng chủ động, có tính thuyết phục cao, hấp dẫn...”.

Quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả 2 nhóm nhiệm vụ, giải pháp này đòi hỏi trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không những phải quan tâm chỉ đạo vận dụng Nghị quyết số 35-NQ/TW vào giảng dạy học phần “Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh” mà còn vận dụng, triển khai thực hiện trong công tác nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế của nhà trường. Chỉ có kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế với giảng dạy mới nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo cán bộ của nhà trường, làm cho nghị quyết của Đảng đi vào đời sống xã hội, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của cán bộ trong lãnh đạo, quản lý ở cơ sở.

Vận dụng Nghị quyết số 35-NQ/TW vào giảng dạy học phần “Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh” trong chương trình Trung cấp Lý luận chính trị phải quán triệt đầy đủ các quan điểm và nhiệm vụ, giải pháp có liên quan trực tiếp đến việc tuyên truyền, nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc tuyên truyền về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc trong đội ngũ cán bộ cấp cơ sở.

Vận dụng Nghị quyết số 35-NQ/TW vào giảng dạy học phần “Nội dung cơ bản của chủ

nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh” trong chương trình Trung cấp Lý luận chính trị theo 3 cấp độ sau:

1. Đưa nội dung Nghị quyết số 35-NQ/TW vào các bài giảng học phần “Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”

Vận dụng Nghị quyết số 35-NQ/TW vào giảng dạy học phần “Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh” là việc đưa những quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 35-NQ/TW vào các bài giảng của học phần này một cách phù hợp. Vì vậy, ban giám hiệu các trường chính trị cần chỉ đạo Khoa Lý luận cơ sở nghiên cứu kỹ Nghị quyết số 35-NQ/TW, lựa chọn nội dung của Nghị quyết để đưa vào từng bài giảng cho phù hợp với nội dung của bài. Một số nội dung của Nghị quyết số 35-NQ/TW có thể đưa vào các bài giảng học phần “Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh” như sau:

Một là, đưa quan điểm “Kiên trì thế giới quan, phương pháp luận khoa học và các giá trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, truyền thống tốt đẹp của dân tộc; đồng thời, tiếp thu các thành tựu mới, tinh hoa của nhân loại” của Nghị quyết số 35-NQ/TW vào nội dung giảng dạy mục 3.4 “Triết học với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam” của bài 1 - Triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

Hai là, đưa quan điểm “Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên cơ sở quán triệt sâu sắc, vận dụng đúng đắn, sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam trong thời đại ngày nay” của Nghị quyết số 35-NQ/TW vào mục 5 “Ý nghĩa phương pháp luận” trong bài 6 - Lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

Ba là, đưa quan điểm “Bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch là một nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân,...” của Nghị quyết số 35-NQ/TW vào mục 2.1. “Xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị” của bài 5 - Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

Bốn là, đưa quan điểm “Gắn kết chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, “xây” là cơ bản, “chống” phải quyết liệt, hiệu quả. Kết hợp giữa nhiệm vụ trước mắt và nhiệm vụ lâu dài; nâng cao khả năng tự phòng, chống của cán bộ, đảng viên và nhân dân trước âm mưu, thủ đoạn và hoạt động của các thế lực thù địch, đối tượng phản động, cơ hội chính trị. Phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và xã hội” của Nghị quyết số 35-NQ/TW vào mục 3.2. “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong tình hình hiện nay” của bài 5 - Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và chỉnh đốn Đảng.

Năm là, đưa quan điểm “Đổi mới nội dung, phương pháp, đa dạng hóa hình thức, coi trọng hiệu quả, trên tinh thần chủ động, cảnh giác, thường xuyên, kiên trì, kiên quyết, đồng thời có trọng tâm, trọng điểm. Kết hợp chặt chẽ giữa vận động, giáo dục, thuyết phục với kiên quyết xử lý nghiêm minh theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với các đối tượng vi phạm” của Nghị quyết số 35-NQ/TW vào tiêu mục 3.3.4.1. “Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng” của bài 6 - Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam.

Sáu là, đưa nhiệm vụ, giải pháp “Đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là thế hệ trẻ nhằm bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, xây dựng niềm tin khoa học vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn. Tích cực đổi mới nội dung, chương trình giáo dục chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống giáo dục quốc dân phù hợp với đối tượng học, bậc học trong từng thời kỳ phát triển của đất nước” của Nghị quyết số 35-NQ/TW vào mục 4 “Ý nghĩa phương pháp luận” của bài 11 - Quan điểm của triết học Mác-Lênin về ý thức xã hội.

Bảy là, đưa nhiệm vụ, giải pháp “Tiếp tục làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn, hoàn thiện hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong tình hình mới. Tiếp tục khẳng định và cụ thể hóa những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các giá trị bền vững phù hợp với thực tiễn của Việt Nam; chỉ rõ những vấn đề cần bổ sung, phát triển” của Nghị quyết số 35-NQ/TW vào mục 3.3.6. “Kiên quyết đấu tranh chống những luận điệu xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng” của bài 6 - Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam.

Tám là, đưa nhiệm vụ, giải pháp “Đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyên truyền về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch theo hướng chủ động, có tính thuyết phục cao, hấp dẫn” của Nghị quyết số 35-NQ/TW vào tiểu mục 3.3.4.1. “Xây dựng,

chinh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng” của bài 6 - Tư tưởng Hồ Chí Minh với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam.

Chín là, đưa nhiệm vụ, giải pháp “Tiếp tục làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức ngày càng đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của chủ nghĩa Mác-Lênin,...” của Nghị quyết số 35-NQ/TW vào mục 2.1. “Xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị” của bài 5 - Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và chinh đốn Đảng.

Mười là, đưa nhiệm vụ, giải pháp “Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng. Kiên quyết xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức đảng, đảng viên vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng” của Nghị quyết số 35-NQ/TW vào mục 2.3.4 “Kỷ luật nghiêm minh và tự giác” hoặc mục 3.2. “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác xây dựng, chinh đốn Đảng trong tình hình hiện nay” của bài 5 - Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và chinh đốn Đảng.

Việc đưa được nội dung Nghị quyết số 35-NQ/TW vào bài giảng mới dừng ở việc tuyên truyền, phổ biến nghị quyết, làm cho học viên thấy được cơ sở khoa học của nghị quyết. Vấn đề quan trọng của việc vận dụng nghị quyết vào bài giảng là làm cho học viên hiểu rõ, nắm chắc nội dung của nghị quyết, thấy được sự hòa quyện giữa nội dung nghị quyết và nội dung bài giảng. Trên cơ sở đó nâng cao niềm tin về sự đúng đắn của Nghị quyết số 35-NQ/TW và niềm tin vào chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Vấn đề này sẽ được giải

quyết ở cấp độ thứ 2 của việc vận dụng Nghị quyết số 35-NQ/TW vào bài giảng học phần “Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”.

2. Nâng cao nhận thức của cán bộ cơ sở về sự đúng đắn của Nghị quyết số 35-NQ/TW và niềm tin vào chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch

Yêu cầu của cấp độ thứ 2 của việc vận dụng Nghị quyết số 35-NQ/TW vào bài giảng là:

- Làm cho học viên thấy được, Nghị quyết số 35-NQ/TW được xây dựng trên cơ sở khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

- Phân tích, kết hợp nhuần nhuyễn giữa nội dung Nghị quyết số 35-NQ/TW với nội dung bài giảng làm cho học viên hiểu, thấy được cơ sở khoa học của nghị quyết, Đảng ta đã vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để xây dựng nghị quyết; việc thực hiện nghị quyết nhằm bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Trên cơ sở đó nâng cao nhận thức và niềm tin về sự đúng đắn của nghị quyết, tin tưởng vào chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Để thực hiện yêu cầu này, cần áp dụng các giải pháp sau:

Một là, ban giám hiệu, trưởng khoa Lý luận cơ sở cần phải chỉ đạo sát sao, cụ thể việc vận dụng Nghị quyết số 35-NQ/TW vào giảng dạy học phần “Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”. Ban giám hiệu định hướng, trưởng khoa Lý luận

cơ sở trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về việc vận dụng nghị quyết vào từng bài giảng của giảng viên trong khoa.

Hai là, giảng viên nghiên cứu kỹ nội dung bài giảng và nội dung nghị quyết, lựa chọn nội dung vận dụng nghị quyết phù hợp với nội dung bài giảng, tránh tình trạng đưa nội dung nghị quyết không ăn nhập với nội dung bài giảng.

Trong soạn giảng, vận dụng nghị quyết vào bài giảng, giảng viên cần phải phân tích, kết hợp nhuần nhuyễn giữa nội dung Nghị quyết số 35-NQ/TW với nội dung bài giảng, lựa chọn phương pháp giảng dạy phù hợp với đối tượng học viên (cán bộ, công chức cấp xã; cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện; cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh...); tăng cường đối thoại.

Trong quá trình giảng dạy, liên hệ, vận dụng nghị quyết, giảng viên cần phải thể hiện được các nội dung đã chuẩn bị trong bài soạn, gắn quyền nội dung và phương pháp, làm cho bài giảng “có hồn”, không vận dụng nghị quyết một cách gượng ép, chiếu lệ; đồng thời quan sát, theo dõi thái độ của người học được biểu hiện trong không khí của tiết học, bài học, nhất là trong thời gian vận dụng nghị quyết vào nội dung bài giảng. Qua đó thấy được việc vận dụng nghị quyết vào bài giảng có thành công hay không; nếu chưa thành công cần phải tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh nội dung, phương pháp để người học hiểu, say mê học tập, nâng cao nhận thức và niềm tin vào nghị quyết, chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ba là, tăng cường sinh hoạt chuyên môn như: thông qua bài soạn, dự giờ, thao giảng, tổ chức hội thảo cấp khoa. Mỗi hoạt động

chuyên môn trên đều góp phần nâng cao chất lượng vận dụng Nghị quyết số 35-NQ/TW vào giảng dạy học phần “Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”. Trong đó, hoạt động sau bổ sung cho hoạt động trước, nâng cao chất lượng vận dụng nghị quyết vào bài giảng thêm một bước. Vì vậy, trường khoa phải coi trọng tất cả các hoạt động chuyên môn ở khoa và chỉ đạo thực hiện tốt các hoạt động này.

Bốn là, thường xuyên rút kinh nghiệm trong việc vận dụng nghị quyết vào bài giảng. Mỗi giảng viên sau khi giảng phải tự rút kinh nghiệm việc vận dụng nghị quyết vào bài giảng, phải thấy được việc phân tích, lý giải, vận dụng nghị quyết vào bài giảng chỗ nào được, chỗ nào chưa được và ghi nhớ vào bài soạn để rút kinh nghiệm cho lần giảng sau. Khoa chuyên môn cần thường xuyên tổng kết rút kinh nghiệm việc vận dụng các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào giảng dạy, trong đó chú trọng hơn đến việc vận dụng Nghị quyết số 35-NQ/TW vào giảng dạy học phần “Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”.

Năm là, tăng cường kiểm tra, giám sát việc giảng viên vận dụng nghị quyết vào bài giảng thông qua các hoạt động như: thông qua bài soạn, dự giờ, thao giảng, nắm bắt thông tin từ người học. Kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình giảng viên thực hiện vận dụng nghị quyết vào bài giảng.

3. Chuyển hóa từ nhận thức thành hành động của cán bộ cơ sở trong việc triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW

Đây là cấp độ thể hiện kết quả của việc vận dụng Nghị quyết số 35-NQ/TW vào

giảng dạy học phần “Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh”. Thực hiện tốt cấp độ thứ 2 thì công tác giảng dạy học phần “Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh” đã đạt được mục tiêu là làm cho học viên hiểu, nâng tầm nhận thức của cán bộ cơ sở về Nghị quyết số 35-NQ/TW, về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Vấn đề quan trọng là chuyển hóa từ những nhận thức ấy thành hành động của cán bộ cơ sở trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao, cũng như triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ở cơ sở.

Để chuyển hóa từ nhận thức thành hành động của cán bộ cơ sở trong việc triển khai tổ chức thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ở cơ sở cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

Một là, tăng cường công tác nghiên cứu thực tế ở cơ sở. Việc đi nghiên cứu thực tế ở cơ sở giúp giảng viên nắm được thực tiễn; tổng kết thực tiễn; bổ sung bài giảng, gắn lý luận với thực tiễn; xây dựng chương trình bồi dưỡng theo chức danh. Bên cạnh đó, giảng viên còn nắm bắt được hiệu quả đào tạo cán bộ của nhà trường thông qua trao đổi với cán bộ cơ sở về vận dụng kiến thức đã học vào việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, đặc biệt là vận dụng các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng ở cơ sở. Qua trao đổi, tọa đàm với các thầy cô, cán bộ cơ sở có thêm những nhận thức mới, nhận được những lời tư vấn xử lý tình huống chính trị - xã hội ở cơ sở, góp phần giúp cán bộ cơ sở chuyển hóa nhận thức qua đào tạo thành hành động tổ chức thực hiện nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở cơ sở, trong đó có việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW. Để nâng cao hiệu quả nghiên cứu thực tế, trường

khoa, giảng viên phải xây dựng kế hoạch đi nghiên cứu thực tế một cách chi tiết, cụ thể (mục đích, yêu cầu, thời gian, địa điểm, chương trình, nội dung, hệ thống câu hỏi phù hợp với mục đích nghiên cứu thực tế...) và tổ chức hiện tốt kế hoạch này.

Hai là, xây dựng mối quan hệ giữa thầy và trò. Xây dựng mối quan hệ thầy - trò không chỉ trong quá trình đào tạo tại trường mà còn cả sau đào tạo. Có rất nhiều cán bộ cơ sở sau đào tạo thường xuyên liên lạc với thầy để trao đổi tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện nhiệm vụ, nhất là trong việc xử lý tình huống chính trị - xã hội ở cơ sở. Xây dựng tốt mối quan hệ giữa thầy và trò góp phần chuyển hóa nhận thức của học viên sau đào tạo thành những hành động lãnh đạo, quản lý ở cơ sở. Làm được điều này đòi hỏi thầy phải thực sự là người có đức, có tài.

Ba là, ban giám hiệu cần xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường với ban tổ chức các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy (Thành ủy thành phố trực thuộc Trung ương) và lãnh đạo các sở, ban ngành trong việc nắm bắt thông tin sau đào tạo: thực hiện nhiệm vụ được giao; bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử; xử lý tình huống chính trị - xã hội, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch ở cơ sở. Trên cơ sở đó, điều chỉnh nội dung, phương pháp giảng dạy của nhà trường, xây dựng các chương trình bồi dưỡng theo chức danh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Ba cấp độ này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Việc thực hiện tốt cấp độ trước làm tiền đề cho việc thực hiện tốt cấp độ sau. Việc thực hiện cấp độ sau là sự tiếp nối của cấp độ trước và có sự đan xen với nhau. Tuy nhiên, ranh giới của cấp độ 1 và 2 là khá mong manh.

Thực hiện tốt 3 cấp độ trên thì việc vận dụng Nghị quyết số 35-NQ/TW vào giảng dạy học phần “Nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh” mới đem lại hiệu quả, góp phần đưa nghị quyết của Đảng vào thực tiễn đời sống xã hội, làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội, xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh./.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về *tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, T.1,2, H.2021.
3. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, *Nhận dạng các quan điểm sai trái, thù địch*, H. 1-2005.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương, *Phê phán, bác bỏ các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H. 2007.
5. Tài liệu giáo trình Trung cấp lý luận chính trị tập huấn, phân học nội dung cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin.
6. Tài liệu giáo trình Trung cấp lý luận chính trị tập huấn, phân học nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh.

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP NĂM 1945 NIỀM TỰ HÀO VÀ KIÊU HÃNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Thị Hồng Thuận

Phó Trưởng khoa Lý luận cơ sở

Hàng năm, cứ mỗi dịp kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh mừng 2 tháng 9, mỗi người chúng ta lại hân hoan đi giữa phố phường rợp cờ hoa, được nghe lại lời Bác Hồ đọc Tuyên ngôn độc lập năm xưa. Từng lời của Bác nghe thân thương, âm áp, trầm hùng và kiêu hãnh, tưởng như đó là tiếng reo vui, niềm tự hào bất tận của toàn dân tộc trong ngày vui chiến thắng. Đó chính là giai điệu tự hào của bản anh hùng ca được viết bởi một người nhạc trưởng vô cùng đặc biệt - Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Mở đầu bản Tuyên ngôn là lời hiệu triệu đầy hào sảng: *“Hỡi đồng bào cả nước. Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”*¹. Bác đã khéo léo trích dẫn những lời đó vốn được nêu trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ cùng bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791, những văn kiện pháp lý thâm nhuần tư tưởng tiên bộ của thời đại, nêu cao nguyên tắc bình đẳng, dân chủ và các quyền cơ bản của con người, của dân tộc. Trân trọng những giá trị cao cả ấy, trong một thời đại mới và một cuộc cách mạng mới, Hồ Chí Minh đã tiếp thu, kế thừa và hơn nữa phát triển các giá trị ấy ở hai nội dung cơ bản là quyền con người, quyền dân tộc và nguyên tắc chủ quyền nhân dân. Đồng thời, Người phê phán sự giả dối của các nước tư bản và sự bạo tàn của bọn thực dân, đế quốc, phát xít. Từng lời lẽ đanh thép đã tố cáo tội ác tày trời mà bọn xâm lược đã gây ra cho dân tộc ta trong suốt hơn 80 năm đặt ách đô

hộ tại Việt Nam và các nước Đông Dương. Những tuyên bố chắc chắn và đầy thuyết phục, giống như một luật sư từng trải đang đứng giữa tòa án quốc tế để kết tội kẻ thù và đòi lại quyền sống, quyền mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân lao động.

Thông qua bản Tuyên ngôn Độc lập, Hồ Chí Minh cũng đã kêu gọi các nước Đồng minh ủng hộ nền độc lập chân chính do nhân dân Việt Nam vừa tự tay giành được thông qua Cách mạng Tháng Tám. Người tuyên bố rằng, Chính phủ lâm thời đã huỷ bỏ hết mọi hiệp ước do Pháp kí trong quan hệ với Việt Nam và bãi bỏ hết mọi đặc quyền của người Pháp, đồng thời cảnh báo rằng người Việt sẽ *“kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp”*². Đó cũng chính là sự khẳng định với thế giới cơ sở pháp lý về quyền được hưởng tự do độc lập của dân tộc Việt Nam, đồng thời cũng vạch ra cơ sở thực tế là Việt Nam đã là một nước tự do và độc lập, không lệ thuộc vào bất cứ nước nào.

Rồi Bác vui mừng công bố trước quốc dân đồng bào: *“Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”*³. Đây cũng đồng thời là lời khẳng định của Người đối với toàn thể nhân dân: thắng lợi này không phải là do may mắn có được mà hoàn toàn do sự chung tay góp sức, là mồ hôi, xương máu và nước mắt, là sức mạnh của tinh thần đoàn kết toàn dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi: “*Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp*”⁴. Người khẳng định: “*Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phía Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do, dân tộc đó phải được độc lập*”.

Vì những lẽ trên, chúng tôi, chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trình trọng tuyên bố với thế giới rằng: Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập”⁵.

Kết thúc bản Tuyên ngôn, Người nhấn mạnh: “*Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy!*”⁶. Bác đã thay mặt Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam tuyên bố với thế giới về nền độc lập chân chính của dân tộc, vừa tuyên thệ và khẳng định quyết tâm sẽ gìn giữ nền độc lập, tự chủ mới giành được bằng mọi giá.

Ngày nay, được sống trong hòa bình, độc lập, tự do, chúng ta không quên các thế hệ cha anh đã ngã xuống, càng không thể quên công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh - lãnh tụ kính yêu, anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới. Người không chỉ “*tìm đường đi cho dân tộc theo đi*”⁷ mà còn tự soạn thảo bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở khu vực Đông Nam Châu Á. Có thể thấy, Bản Tuyên ngôn độc lập năm 1945 tuy ngắn gọn song từng câu, từng chữ đều mang tinh thần hào sảng, biểu trưng cho ý chí kiên cường, bất khuất của một dân tộc không bao giờ chịu khuất phục; khẳng định “*dáng đi*”, “*thế đứng*”, “*sức vươn*” của đất nước và con người Việt Nam anh hùng cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

Tự hào về Chủ tịch Hồ Chí Minh, về dư âm thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh mừng 2 tháng 9 cùng với những thành quả to lớn của cách mạng Việt Nam trong gần một thế kỷ qua, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đã và đang tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến rất phức tạp như nguy cơ chiến tranh, khủng hoảng tài chính kinh tế, bùng phát dịch bệnh; các thế lực phản động, thù địch ra sức chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng, xuyên tạc, kích động, cản trở quá trình xây dựng và phát triển của đất nước ta trên mọi phương diện; hơn lúc nào hết, chúng ta cần nỗ lực tranh thủ thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, thách thức, tăng cường phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc. Kiên quyết, kiên trì, kiên định đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa./.

Tài liệu tham khảo

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr.1-3;
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr.1-3;
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr.1-3;
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr.1-3;
5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr.1-3;
6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.4, tr.1-3;
7. Trích thơ “*Người đi tìm hình của nước*”, Chế Lan Viên, 1960;

GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI BÌNH VỚI VIỆC BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS. Lê Mai Phương

Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Ngày 22/10/2018, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW “về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới” (gọi tắt là Nghị quyết số 35). Nghị quyết số 35 xác định rõ: *Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Đảng, bảo vệ Cương lĩnh chính trị, đường lối lãnh đạo của Đảng, bảo vệ Nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc, giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. Đó là nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, trong đó cơ quan báo chí các cấp là nòng cốt, là công việc tự giác, thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể chính trị xã hội các cấp; của từng địa phương, cơ quan, đơn vị, của cán bộ, đảng viên trước hết là người đứng đầu.*

Đứng trước những âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch nhằm phá hoại trên lĩnh vực tư tưởng, chính trị, xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, cuộc đấu tranh với các thế lực thù địch trên mặt trận tư tưởng đòi hỏi cần được tiến hành trên nhiều lĩnh vực, bằng nhiều phương thức, với sự tham gia của nhiều lực lượng khác nhau, trong đó đặc biệt là đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị có vai trò vô cùng quan trọng. Trường Chính trị tỉnh Thái Bình với chức năng cơ bản là “tổ

chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở, cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương về lý luận chính trị - hành chính; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức và chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; kiến thức về một số lĩnh vực khác; tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương”¹, theo đó Trường Chính trị tỉnh Thái Bình có vai trò quan trọng trong hoạt động bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, trong đó nòng cốt là đội ngũ giảng viên giảng dạy lý luận chính trị. Vì vậy, trong Hướng dẫn số 475-HD/HVCTQG-TCT ngày 24/9/2019 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh đã chỉ rõ một trong những nội dung cần chú ý là: Định hướng, tổ chức thực hiện các giải pháp phát huy vai trò, trách nhiệm của giảng viên, học viên tham gia tích cực vào công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Là đảng viên, giảng viên tham gia vào công tác giảng dạy lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở, mỗi giảng viên Trường Chính trị tỉnh Thái Bình cần xác định rõ vai trò và nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc thực hiện Nghị quyết 35-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII. Trong bối cảnh hiện nay, để thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng,

đấu tranh, phân bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch, cần thực hiện tốt những nội dung sau:

Một là, trên cơ sở Nghị quyết số 35-NQ/TW và Hướng dẫn số 475-HD/HVCTQG-TCT ngày 24/9/2019 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường cần phải xây dựng và ban hành kế hoạch cụ thể, chỉ rõ nội dung, trách nhiệm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đến các chi bộ khoa, phòng, mỗi cán bộ và giảng viên trong giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn khác. Trên cơ sở đó, mỗi giảng viên phải xác định được bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ hết sức cần thiết và quan trọng trong giai đoạn hiện nay. Bản thân mỗi giảng viên phải nghiên cứu kỹ để nắm chắc, hiểu sâu sắc nội dung, ý nghĩa của Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đưa nội dung của Nghị quyết vào từng chuyên đề giảng dạy cho phù hợp. Tuy nhiên, để đội ngũ cán bộ, đảng viên, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chủ chốt của các địa phương hiểu rõ, thực hiện tốt, vận dụng tốt vào thực tiễn công tác thì trách nhiệm của mỗi giảng viên Trường tri tỉnh Thái Bình trước hết phải hiểu sâu sắc các nội dung và vận dụng các Nghị quyết vào quá trình giảng dạy các phân học trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị... Qua đó, giúp nâng cao nhận thức, sự quyết tâm cũng như trách nhiệm của mỗi giảng viên, học viên đối với việc chống lại những âm mưu, thủ đoạn xuyên tạc của kẻ thù trong tình hình mới.

Hai là, mỗi giảng viên phải giữ vững lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định và tin tưởng tuyệt đối vào đường lối đổi mới của Đảng; không dao động trước những khó khăn, thách thức; tâm huyết, trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ được giao, đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích cá nhân. Trong

quá trình giảng dạy phải thể hiện rõ tính khoa học, tính Đảng và tính chiến đấu, khéo léo trong sự liên hệ vận dụng kiến thức lý luận vào thực tiễn đời sống giúp học viên nắm vững hơn nữa kiến thức lý luận chính trị và tiếp thêm niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng, con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn.

Ba là, giảng viên trường Chính trị là lực lượng quan trọng trong việc truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Vì vậy, đội ngũ giảng viên phải không ngừng đào sâu nghiên cứu, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng bám sát nội dung giáo trình, tổng kết thực tiễn, vận dụng, lồng ghép các nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong quá trình giảng dạy, trong công tác nghiên cứu khoa học, đặc biệt là những bài viết chuyên sâu đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng, phân bác lại những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch.

Bốn là, tích cực, chủ động tham gia đấu tranh, chống lại các luận điệu sai trái, tư tưởng phản động của các thế lực thù địch. Tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, giảng viên Trường Chính trị cần tỉnh táo nhận diện những thông tin, ý kiến sai lệch trong xã hội, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ để tích cực tham gia nghiên cứu, viết bài, tham gia các diễn đàn đấu tranh, phân bác các quan điểm, thông tin sai trái, thù địch; đồng thời vạch trần âm mưu, thủ đoạn chống phá cách mạng Việt Nam, chia rẽ, gây mất đoàn kết nội bộ, làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ, góp phần làm cho cán bộ, đảng viên và

(Xem tiếp trang 23)

NHẬN DIỆN, PHÊ PHÁN NHỮNG LUẬN ĐIỀU XUYỀN TẠC VỀ ĐẤU TRANH GIAI CẤP Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Xuân Đĩnh

Phó Trưởng phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu

Trong học thuyết Mác-Lênin, lý luận về đấu tranh giai cấp là một trong những nội dung quan trọng. Bởi, đây là vấn đề tác động trực tiếp đến lợi ích của các giai cấp, các tầng lớp trong xã hội, quốc gia, dân tộc. Vì vậy, đây cũng là vấn đề mà các thế lực thù địch thường xuyên tập trung xuyên tạc, bôi nhọ, phản bác nhiều nhất trong thời gian gần đây. Bài viết chỉ ra một số luận điệu phản động của các thế lực thù địch và đưa ra những căn cứ nhằm bảo vệ lý luận đấu tranh giai cấp của C. Mác.

1. Một số luận điệu xuyên tạc lý luận của C. Mác về đấu tranh giai cấp

Một là, các thế lực phản động, thù địch cho rằng, học thuyết đấu tranh giai cấp của C. Mác dựa trên quy luật đấu tranh sinh tồn của Đác-uy-n. Trong bài Những sai lầm cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Phan Châu Thành đã cho rằng: C.Mác “đã “copy, sao chép” từ thuyết “đấu tranh sinh tồn giống nòi trong tự nhiên” của Đác-uy-n. Tác giả này cũng quy kết: Đác-uy-n không làm ai chết, nhưng học thuyết về đấu tranh giai cấp của Mác đã làm trên 600 triệu người trên hàng chục quốc gia đã chết trong thảm khốc của đấu tranh giai cấp, gấp hơn 6 lần đại chiến thế giới II do Hít-le gây nên¹. Do không thấy được điểm xuất phát của C. Mác khi nghiên cứu về xã hội là “con người hiện thực”, tức không phải con người chung chung, trừu tượng như một

số các nhà triết học trước đó, mà đây là con người đang sống trong một đất nước nhất định, một dân tộc nhất định, một thời đại nhất định nên trong “*Bàn qua về hội chứng tuyệt đối trong “Chủ Nghĩa Duy Ác” của Marx*”, Trần Mạnh Hảo cho rằng: “*C. Mác đã lấy học thuyết duy ác trong các quy luật tồn tại của thực vật và động vật trong tự nhiên của Đác-uy-n áp dụng vào thế giới con người để thành thuyết đấu tranh giai cấp là một sai lầm lớn nhất trong thế giới quan duy ác của ông*”²... và một số luận điệu xuyên tạc khác.

Hai là, các thế lực phản động, thù địch cho rằng học thuyết đấu tranh giai cấp của C. Mác đã tuyệt đối hóa bạo lực. Theo chúng, khái niệm “đấu tranh giai cấp” luôn đồng nghĩa với khái niệm “bạo lực cách mạng” với các từ “duy ác” như: “tiêu diệt”, “giết sạch”, “tước đoạt”, “cướp”... tức là tuyệt đối hóa hành vi giết người, hành vi tước đoạt, cướp bóc của giai cấp này với các giai cấp khác trong công cuộc tiến lên thiên đường cộng sản. Với cách nhìn phiến diện và hành động đánh tráo khái niệm, những người này cho rằng: “học thuyết đấu tranh giai cấp của C. Mác đã “xui những người nông dân - công nhân đói khổ làm cách mạng bạo lực đẫm máu để mình bước lên thành kẻ cầm quyền, chiếm mọi quyền hành trong xã hội, nhưng thiếu học, thiếu kiến thức, thiếu văn hoá”; đấu tranh giai cấp là tuyệt đối hóa bạo lực.

Ba là, chúng cho rằng, C. Mác đã khẳng định, “đấu tranh giai cấp là động lực phát triển xã hội”, thậm chí là “động lực duy nhất phát triển xã hội”. Theo các thể lực phản động, C. Mác đã tuyệt đối hóa cái ác, coi cái ác là động lực duy nhất của sự phát triển lịch sử nhân loại. “Việc tuyệt đối hóa cuộc đấu tranh giai cấp bằng bạo lực là một lý giải sai lầm lớn nhất của C.Mác để biến học thuyết cộng sản của ông thành học thuyết duy ác”. Trên một số blog cá nhân, các thể lực phản động cho rằng, “Đảng Cộng sản mượn danh đấu tranh cho giai cấp vô sản để nắm quyền bính”³. Cuối cùng, chúng kết luận: “đấu tranh giai cấp là nguy hiểm nhất, nó gây ra chiến tranh trong thế giới, trong mỗi quốc gia và trong mỗi gia đình”; “đấu tranh giai cấp là một chính sách lừa bịp công nông và toàn dân”⁴.

2. Những căn cứ bảo vệ lý luận của C. Mác về đấu tranh giai cấp

Thứ nhất, Charles Robert Darwin (12/2/1809-19/4/1882), nhà tự nhiên học người Anh, ông có 02 tác phẩm nổi tiếng là “Nguồn gốc các loài” (1859) và cuốn “Nguồn gốc loài người” (1871). Theo học thuyết này, mọi loài sinh vật sinh ra không phải do Chúa, Trời hay Thần thánh, quá trình hình thành và phát triển nhờ quá trình chọn lọc tự nhiên. Điều đáng bàn ở đây là, tác phẩm “Nguồn gốc các loài” của Đác-uyn được công bố lần đầu tiên năm 1859, sau 11 năm so với thời điểm C. Mác và Ph. Ăngghen viết Tuyên ngôn của đảng cộng sản (1848). Vậy tại sao lại có thể khẳng định C. Mác “copy, sao chép” của Đác-uyn và lại có chuyện C. Mác lấy ý tưởng từ Thuyết tiến hóa của Đác-uyn để xây dựng học thuyết đấu tranh giai cấp của mình được! C. Mác không thể lấy ý tưởng của Đác-uyn trong “Nguồn gốc các loài” khi Đác-uyn chưa công bố phát minh của mình. Do vậy, có

thể dễ dàng nhận thấy, nhận định của những kẻ phản động là vu khống, xuyên tạc, thiếu cơ sở khoa học và thực tiễn.

Trong Điều văn đọc trước mộ C. Mác, Ph. Ăngghen có so sánh: “*Giống như Đác-uyn đã tìm ra quy luật phát triển của thế giới hữu cơ, Mác đã tìm ra quy luật phát triển của lịch sử loài người: cái sự thật giản đơn đã bị những tầng lớp tư tưởng phủ kín cho đến ngày nay là: con người trước hết cần phải ăn, uống và mặc đã rồi mới có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo và v.v. được*”⁵. Thực chất, ở đây Ph. Ăngghen muốn ví vai trò to lớn thuyết tiến hóa của Đác-uyn, sánh ngang với phát minh ra chủ nghĩa duy vật lịch sử của C. Mác. Bởi phát minh khoa học của Đác-uyn đã chứng tỏ thế giới vật chất tự nó vốn là thống nhất; bản thân thế giới tự nhiên tự nó là biện chứng, giới tự nhiên luôn luôn vận động, biến đổi, phát triển; những yếu tố, những bộ phận cấu thành thế giới tự nhiên luôn tác động, ảnh hưởng, chi phối, chuyên hóa lẫn nhau. Sự vận động, biến đổi, phát triển của thế giới tự nhiên là quy luật vốn có của giới tự nhiên, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của con người. Ph. Ăngghen không có từ nào nhắc tới việc C. Mác kế thừa thuyết tiến hóa của Đác-uyn để xây dựng lý luận về đấu tranh giai cấp của mình như các thể lực thù địch gán ghép, xuyên tạc.

Thứ hai, C. Mác không phải là người phát hiện ra vấn đề đấu tranh giai cấp giai cấp và càng không tuyệt đối hóa bạo lực trong đấu tranh giai cấp. Chính C. Mác cũng đã thừa nhận: “*Tôi không có công lao là đã phát hiện ra sự tồn tại của các giai cấp trong xã hội hiện đại, cũng như không có công lao là đã phát hiện ra cuộc đấu tranh giữa các giai cấp với nhau. Các nhà sử học tư sản trước tôi rất lâu đã trình bày sự phát triển lịch sử của cuộc*

đấu tranh giai cấp đó, còn các nhà kinh tế học tư sản thì đã trình bày sự giải phẫu kinh tế của các giai cấp"⁶. Toàn bộ giá trị lý luận của C. Mác về vấn đề giai cấp, đấu tranh giai cấp đã được C. Mác khái quát ngắn gọn, khoa học và đầy đủ trong thư gửi G. Vây-đơ-mây-e ngày 5-3-1852, như sau:

"1) Sự tồn tại của các giai cấp chỉ gắn liền với những giai đoạn phát triển lịch sử nhất định của sản xuất.

2) Đấu tranh giai cấp nhất thiết sẽ dẫn đến chuyên chính vô sản.

3) Bản thân nền chuyên chính này chỉ là bước quá độ tiến tới thủ tiêu mọi giai cấp và tiến tới xã hội không giai cấp"⁷.

Việc khái quát hóa quá trình ra đời của giai cấp, hình thức đấu tranh giai cấp trong lịch sử đã chỉ ra cho chúng ta thấy rằng, lý luận này của C. Mác hoàn toàn khác với luận điệu của các thế lực phản động, áp đặt cho C. Mác khi tuyệt đối hóa đấu tranh giai cấp bằng bạo lực. Theo Mác đấu tranh giai cấp có nhiều hình thức và chủ yếu là đấu tranh kinh tế, đấu tranh tư tưởng và đấu tranh chính trị. Trong mỗi hình thức lại có các biểu hiện cụ thể, như thời kỳ đầu giai cấp công nhân tiến hành đập phá máy móc, đốt phá công xưởng, đình công, bãi công, tuyên truyền cổ động chính trị, "chiến tranh tâm lý", đấu tranh trên báo chí, đấu tranh nghị trường. Sau cùng mới là khởi nghĩa, đảo chính, bạo loạn, lật đổ và bạo lực cách mạng. Quan điểm của Mác đã được lịch sử chứng minh thông qua các cuộc cách mạng 1848-1851 và 1870 ở nước Pháp.

Thứ ba, trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, C. Mác và Ph. Ăngghen viết, "Lịch sử tất cả các xã hội tồn tại từ trước tới ngày nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp". Điều này được hiểu, lịch sử mà các nhà kinh điển nói tới ở

đây là lịch sử từ khi thành văn, tức là từ khi xã hội xuất hiện giai cấp và đấu tranh giai cấp nhằm thay thế các hình thái kinh tế - xã hội đã lỗi thời. Hơn nữa, đấu tranh giai cấp mà các ông nhắc tới ở đây là cuộc đấu tranh giữa các giai cấp có đối kháng về lợi ích cơ bản trong xã hội có giai cấp. Chẳng hạn, trong chế độ chiếm hữu nô lệ, đấu tranh giai cấp diễn ra giữa "chủ nô và người nô lệ", trong xã hội phong kiến cuộc đấu tranh giai cấp lại diễn ra giữa "chúa đất và nông nô, thợ cả phường hội và thợ bần"⁸. Vì vậy, sau này, khi đã khảo sát toàn bộ lịch sử xã hội từ khi xuất hiện giai cấp và thực tiễn đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân ở thế kỷ XIX, các nhà kinh điển nhấn mạnh lại rằng: "Từ khi các công xã nguyên thủy tan rã, cuộc đấu tranh giữa những giai cấp cấu thành mỗi xã hội, luôn luôn là động lực to lớn thúc đẩy sự phát triển lịch sử. Cuộc đấu tranh đó chỉ sẽ mất đi khi bản thân các giai cấp không còn nữa, nghĩa là sau khi chủ nghĩa xã hội thắng lợi"⁹.

Khảo sát toàn bộ lý luận của C. Mác về vai trò của đấu tranh giai cấp, chúng ta cần lưu ý hai nội dung sau: (1) đấu tranh giai cấp là động lực trực tiếp của lịch sử và lịch sử ở đây là lịch sử thay thế các hình thái kinh tế - xã hội, là đòn bẩy của cuộc cách mạng xã hội hiện đại; (2) C. Mác không có từ nào nói rằng: "đấu tranh giai cấp là động lực phát triển xã hội", và "đấu tranh giai cấp là động lực duy nhất phát triển xã hội". Đây chỉ là những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch. Mà từ những tác phẩm đầu tiên, đến những tác phẩm cuối đời của mình, cả C. Mác và Ph. Ăngghen luôn khẳng định, đấu tranh giai cấp là: động lực to lớn thúc đẩy sự phát triển lịch sử; động lực trực tiếp của lịch sử, C. Mác không dùng từ "xã hội" như một số người vẫn hiểu sai về điều này. Hơn nữa, khi khẳng định đấu tranh

giai cấp là động lực trực tiếp của lịch sử, các nhà kinh điển đang hướng tới giải quyết mâu thuẫn đối kháng của các mặt đối lập là tư sản và vô sản.

3. Sự vận dụng lý luận về đấu tranh giai cấp ở Việt Nam hiện nay

Trong những năm qua và hiện nay, các thế lực phản động trong nước và quốc tế luôn dùng mọi phương tiện và thủ đoạn thông qua “Diễn biến hòa bình” nhằm loại bỏ hệ tư tưởng Mác-Lênin, thủ tiêu vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản và tiến tới lật đổ chính quyền bằng những hình thức khác nhau. Trong bối cảnh mới, Đại hội XIII chỉ ra nội dung đấu tranh giai cấp ở một số khía cạnh sau:

Thứ nhất, đấu tranh giữa con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa. Đó là cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ giữa các nhân tố thúc đẩy đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa với nhân tố thúc đẩy đất nước chuyển dịch theo định hướng tư bản chủ nghĩa thông qua: cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại, tranh giành thị trường, các nguồn tài nguyên, công nghệ, nhân lực chất lượng cao, thu hút đầu tư nước ngoài; chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng¹⁰...

Thứ hai, đấu tranh chống bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra còn tồn tại, có mặt còn gay gắt hơn. “Nguy cơ tụt hậu, rơi vào bẫy thu nhập trung bình còn lớn; có biểu hiện chưa quan tâm đúng mức bảo đảm phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa... tham nhũng, lãng phí, quan liêu, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ cũng như những mâu thuẫn xã hội còn diễn biến phức tạp; các thế lực thù địch tiếp tục tăng cường chống phá Đảng, Nhà nước và đất nước ta; bảo vệ

độc lập chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định và thích ứng với biến đổi khí hậu là yêu cầu cấp thiết, đồng thời là những thách thức rất lớn đối với nước ta trong thời gian tới”¹¹.

Thứ ba, đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; bảo vệ đường lối đổi mới của Đảng; bảo vệ nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.¹²

Thứ tư, đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa chủ quan, duy ý chí, chủ nghĩa quan liêu và tư tưởng tiểu tư sản. Đồng thời đấu tranh sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên trong thực hiện đường lối như Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII đã chỉ ra.

Tóm lại, trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, khi vận dụng quan điểm chủ nghĩa Mác-Lênin chúng ta cần phải quán triệt sâu sắc và vận dụng sáng tạo quan điểm đấu tranh giai cấp, chúng ta không được tuyệt đối hóa đấu tranh giai cấp, nhất là tuyệt đối hóa một trong những hình thức sử dụng bạo lực, coi đấu tranh giai cấp là động lực, thậm chí là động lực duy nhất để phát triển xã hội. Nhưng chúng ta cũng không được hữu khuynh, mơ hồ về đấu tranh giai cấp, mất cảnh giác trước âm mưu “*diễn biến hòa bình*”, xuyên tạc, chống phá của các thế lực phản động đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay./.

Tài liệu tham khảo

1. Phan Châu Thành: *Những sai lầm cơ bản của Chủ nghĩa Marx - Lenin*, <https://vietcongonline.wordpress.com/>, ngày 20/4/2011

2. Xem Trần Mạnh Hào: *Bàn qua về hội chứng tuyệt đối trong “Chủ Nghĩa Duy Ác” của Marx*, <https://old.danchimviet.info/>, ngày 12/04/2013.

3. Nguyễn Thiên Thu: *Đấu tranh giai cấp*, <https://son-trung.blogspot.com/>, ngày 25/3/2017

4. Nguyễn Thiên Thu: *Đấu tranh giai cấp*, <https://son-trung.blogspot.com/>, ngày 25/3/2017

5. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H. 1995, Tập 19, tr. 499 - 450.

6. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H. 1996, Tập 28, tr.661 – 662

7. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H. 1995, Tập 28, tr.662.

8. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, Tập 21, tr.439.

9. C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.1995, Tập 19, tr. 255 - 256.

10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2021, Tập I, tr.106.

11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2021, Tập I, tr.108.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H, 2021, Tập I, tr.109.

GIẢNG VIÊN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI BÌNH...

(Tiếp theo trang 18)

Nhân dân luôn kiên định với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong mọi giai đoạn cách mạng.

Hiện nay tình trạng “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ ta đang diễn biến rất phức tạp, nếu không có giải pháp tích cực sẽ là nguy cơ lớn thực sự đối với an ninh chính trị nội bộ của đất nước. Vì vậy, đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng có quan hệ chặt chẽ với nhau và đây là cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt nhất. Vì vậy, mỗi giảng viên Trường Chính trị tỉnh Thái Bình sẽ phải là những chiến sĩ tiên phong trong công cuộc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh với

những quan điểm sai trái của các thế lực thù địch theo đúng tinh thần của Nghị quyết số 35-NQ/TW./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương: Quy định số 09-QĐi/TW ngày 13/11/2018 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh: *Hướng dẫn số 475- HD/HVCTQG-TCT* ngày 24/9/2019 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị.

3. Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới.

CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ TÍCH TỤ, TẬP TRUNG RUỘNG ĐẤT CHO PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÀNG HÓA LỚN, ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

ThS. Vũ Thị Hồng Hoa

Trưởng phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu

Năm 1993, Luật Đất đai sửa đổi và ban hành đã tách quyền sở hữu và quyền sử dụng đất đai theo hướng khẳng định quyền sở hữu đất thuộc về toàn dân do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý, nhưng hộ gia đình vẫn được giao quyền sử dụng đất ổn định, lâu dài và có quyền chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thế chấp và thừa kế quyền sử dụng đất, đó là quyền sở hữu quyền sử dụng đất. Vấn đề hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ nông dân và thời hạn giao đất cũng được Luật Đất đai năm 1993 quy định cụ thể. Điều 44 Luật Đất đai năm 1993 quy định: “Hạn mức đất nông nghiệp trồng cây hàng năm của mỗi hộ gia đình là không quá 03 ha do Chính phủ quy định cụ thể đối với từng địa phương. Chế độ quản lý và sử dụng đối với phần đất mà các hộ gia đình sử dụng vượt quá hạn mức nói trên do Chính phủ quy định. Hạn mức đất nông nghiệp trồng cây lâu năm và hạn mức đất trồng, đồi núi trọc, đất khai hoang, lấn biển của mỗi hộ gia đình khai thác để sản xuất nông nghiệp, trồng rừng, nuôi trồng thủy sản do Chính phủ quy định”. Khung giá các loại đất đối với từng vùng và theo từng mốc thời gian được Nhà nước quy định làm cơ sở để thu thuế giao đất, tính thuế chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại khi thu hồi đất.

Đến năm 2003, Luật Đất đai sửa đổi đã xác định quyền sử dụng đất là hàng hóa, được

tham gia vào thị trường và theo điểm a Khoản 1 Điều 56 thì việc định giá đất của Nhà nước phải đảm bảo nguyên tắc: “Sát với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường; khi có chênh lệch lớn so với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường thì phải điều chỉnh cho phù hợp”. Về hạn mức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Điều 2 Nghị quyết số 1126/2007/NQ-UBTVQH11 ngày 21/6/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định: “Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất là rừng trồng, đất nuôi trồng thủy sản và đất làm muối của mỗi hộ gia đình, cá nhân để sử dụng vào mục đích nông nghiệp”.

Ngày 29/11/2013, Quốc hội đã thông qua Luật Đất đai, có hiệu lực kể từ 01/7/2014. Luật Đất đai năm 2013 có 14 chương với 212 điều, tăng 7 chương và 66 điều so với Luật Đất đai năm 2003. Luật Đất đai năm 2013 tiếp tục kế thừa, luật hóa những quy định còn phù hợp, đồng thời sửa đổi, bổ sung một số quy định mới nhằm tháo gỡ những hạn chế, bất cập của Luật Đất đai năm 2003. Luật Đất đai năm 2013 có một điểm mới sau: cụ thể hóa các quyền của Nhà nước đối với đất đai; bổ sung những nội dung cơ bản trong việc điều tra, đánh giá về tài nguyên đất đai; quy định cụ thể, rõ ràng từ nguyên

tác đến nội dung và mở rộng dân chủ, công khai trong quá trình lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đảm bảo quyền lợi của người sử dụng đất trong vùng quy hoạch; quy định rõ ràng, cụ thể về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư đảm bảo một cách công khai, minh bạch và quyền lợi của người có đất thu hồi; quy định rõ nguyên tắc định giá đất; các đối tượng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và điều kiện để triển khai thực hiện các dự án đầu tư; quy định hoàn chỉnh hơn các chính sách đất đai đối với khu vực nông nghiệp, khu công nghiệp, khu công nghệ cao và khu kinh tế; Luật cũng dành một chương để quy định về việc xây dựng hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai, hệ thống giám sát, theo dõi, đánh giá đối với quản lý và sử dụng đất đai; mở rộng thời hạn giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp và hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đáp ứng yêu cầu tích tụ đất đai đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao.

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013, Chính phủ đã ban hành 5 nghị định quy định chi tiết thi hành luật, bao gồm:

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/ 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/ 2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/ 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/ 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày

15/5/ 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn tổ chức thực hiện Luật Đất đai và các nghị định của Chính phủ. Các thông tư được ban hành đã kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc cho các địa phương về công tác quản lý và sử dụng đất.

Đây là những văn bản pháp luật điều chỉnh mọi hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng đất đai ở tất cả các ngành, lĩnh vực, địa phương trên phạm vi cả nước. Sau hơn 3 năm thực hiện các nghị định của Chính phủ về đất đai đã bộc lộ một số hạn chế, thiếu sót. Vì vậy, ngày 06/01/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 01/2017/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai như sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về giá đất và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Ảnh hưởng của chính sách, pháp luật đến tích tụ, tập trung ruộng đất thể hiện ở các vấn đề: Quyền tài sản về đất đai; chính sách hạn điền trong nông nghiệp; thời hạn giao đất; các quy định về thuế và tài chính khác đối với đất đai.

** Về xác lập quyền tài sản về đất đai*

Xác lập quyền tài sản về đất đai là việc luật pháp hóa các quyền của các chủ thể có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất theo quy định của Luật này”. Như vậy, quyền tài sản về đất đai theo pháp luật Việt Nam có 2 nhóm quyền sau:

Một là, quyền định đoạt đất đai, với tư cách đại diện cho sở hữu toàn dân, Nhà nước giữ quyền định đoạt đối với đất đai. Điều này thể hiện ở 8 quyền năng sau: (1) Quyết định quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất; (2) Quyết định mục đích sử dụng đất; (3) Quy định hạn mức sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất; (4) Quyết định thu hồi đất, trưng dụng đất; (5) Quyết định giá đất; (6) Quyết định trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất; (7) Quyết định chính sách tài chính về đất đai và (8) Quy định quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.

Hai là, quyền của hộ gia đình, tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất (quyền của người sử dụng đất đai hay quyền sử dụng đất).

Luật Đất đai năm 2013 đã quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất. Người sử dụng đất có 7 quyền chung: (1) Được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (2); Hưởng thành quả lao động, kết quả đầu tư trên đất; (3) Hưởng các lợi ích do công trình của Nhà nước phục vụ việc bảo vệ, cải tạo đất nông nghiệp; (4) Được Nhà nước hướng dẫn và giúp đỡ trong việc cải tạo, bồi bổ đất nông nghiệp; (5) Được Nhà nước bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình; (6) Được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật này; (7) Khiếu nại, tố cáo, khởi

kiện về những hành vi vi phạm quyền sử dụng đất hợp pháp của mình và những hành vi khác vi phạm pháp luật về đất đai.

Xác lập quyền tài sản về đất đai đối với người sử dụng đất sẽ tạo tâm lý an tâm cho nhà đầu tư khi đầu tư vào sản xuất nông nghiệp. Xác lập quyền tài sản về đất đai đối với người sử dụng đất được thực hiện ngay khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất. Trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho... quyền sử dụng thì xác lập quyền tài sản về đất đai đối với người sử dụng đất được thực hiện kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính.

Theo quy định tại khoản 7 Điều 95 và khoản 3 Điều 188 Luật Đất đai năm 2013 thì: Việc chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, thế chấp quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai và có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính.

Như vậy, trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho... quyền sử dụng đất không có tài sản gắn liền với đất, thì quyền sử dụng đất được xác lập cho người nhận chuyển đổi, nhận chuyển nhượng và nhận tặng cho,... quyền sử dụng đất kể từ thời điểm đăng ký vào Sổ địa chính tại Văn phòng đăng ký đất đai. Đây là cơ sở tạo điều kiện tích tụ ruộng đất, sản xuất hàng hóa chất lượng cao.

** Về chính sách hạn điền trong nông nghiệp*

Chính sách hạn điền có ảnh hưởng rất lớn đến tích tụ, tập trung ruộng đất. Chính sách hạn điền rộng mở sẽ khuyến khích các nhà đầu tư nông nghiệp mở rộng quy mô sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất, nhất là cơ giới hóa nhằm tăng năng suất lao động, hạ giá thành nông sản, do đó sẽ thúc đẩy quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất. Tuy

nhiên, chính sách hạn điền trong nông nghiệp còn phụ thuộc vào loại cây trồng, điều kiện đất đai, dân cư ở các vùng miền. Đối với cây trồng lâu năm thì mức hạn điền cao hơn cây trồng hàng năm; đối với vùng dân cư đông dân, đất đai ít thì mức hạn điền thấp hơn vùng dân cư thưa dân, đất đai nhiều.

Chính sách hạn điền trong nông nghiệp bao gồm: Hạn mức giao đất nông nghiệp và hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được quy định tại Điều 129, Luật Đất đai năm 2013 quy định hạn mức giao đất nông nghiệp như sau: “1. Hạn mức giao đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp như sau: Không quá 03 héc ta cho mỗi loại đất đối với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc khu vực Đông Nam Bộ và khu vực đồng bằng sông Cửu Long; Không quá 02 héc ta cho mỗi loại đất đối với tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được giao nhiều loại đất bao gồm đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối thì tổng hạn mức giao đất không quá 05 héc ta... Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được giao thêm đất trồng cây lâu năm thì hạn mức đất trồng cây lâu năm không quá 05 héc ta đối với xã, phường, thị trấn ở đồng bằng...”.

Về hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân quy định tại Điều 130, Luật Đất đai năm 2013: “Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân không quá 10 lần hạn mức giao đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân đối với mỗi loại đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 129 của Luật ...”.

Trên cơ sở quy định trên của Luật Đất đai và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai, “Điều 78. *Trình tự, thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “dồn điền đổi thửa”*, trong quá trình thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa, Nhà nước khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp tự thỏa thuận với nhau về việc chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp và có lập thành văn bản để làm căn cứ chuyển đổi. Cùng với đó, Ủy ban nhân dân cấp xã lập phương án chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp chung cho toàn xã, phường, thị trấn lên trên Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, phê duyệt dựa trên sự thảo luận thống nhất tại các thôn, xóm, đội và đảm bảo nguyên tắc đảm bảo quyền lợi của người dân về việc sử dụng đất, cân đối diện tích đất và đã xử lý xong những vướng mắc sau đăng ký thực hiện dồn điền đổi thửa. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm phải thực hiện phương án dồn điền đổi thửa theo đúng phương án đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. Việc dồn điền, tích tụ ruộng đất, ứng dụng công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất làm tăng năng xuất lao động, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Chính sách này là cơ sở để nông dân tích tụ ruộng đất, tập trung cho phát triển nông nghiệp, hàng hóa chất lượng cao.

** Về thời hạn giao đất*

Thời hạn giao đất cũng có ảnh hưởng rất lớn đến tích tụ, tập trung ruộng đất. Thời hạn giao đất dài sẽ khuyến khích các nhà đầu tư yên tâm đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, thúc đẩy quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất. Tại các khoản 1, 2, 3 Điều 126 Luật Đất đai năm 2013 quy định thời hạn giao đất, cho thuê

đất đối với hộ gia đình, cá nhân, tổ chức để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp như sau:

“Thời hạn giao đất, công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp theo quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm b khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 129 của Luật này là 50 năm. Khi hết thời hạn, hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp nếu có nhu cầu thì được tiếp tục sử dụng đất theo thời hạn quy định tại khoản này. Thời hạn cho thuê đất nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân không quá 50 năm. Khi hết thời hạn thuê đất, hộ gia đình, cá nhân nếu có nhu cầu thì được Nhà nước xem xét tiếp tục cho thuê đất. Thời hạn giao đất, cho thuê đất đối với tổ chức để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối... không quá 50 năm. Khi hết thời hạn, người sử dụng đất nếu có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì được Nhà nước xem xét gia hạn sử dụng đất nhưng không quá thời hạn quy định tại khoản này”.

Riêng với quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn thì thời hạn cho thuê đất để sản xuất nông nghiệp ngắn hơn rất nhiều. Khoản 5 Điều 126 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Thời hạn cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn là không quá 05 năm”. Đối với một thửa đất được sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau thì thời hạn sử dụng đất được xác định theo thời hạn của loại đất sử dụng vào mục đích chính. Khoản 7 Điều 126 Luật Đất đai năm 2013.

Như vậy, theo pháp luật về đất đai ở nước ta hiện nay thời hạn giao đất, cho thuê đất

sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp là khá dài, lên tới 50 năm (trừ đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn là không quá 05 năm). Với thời hạn này, các nhà đầu tư sản xuất nông nghiệp sẽ yên tâm hơn, thúc đẩy quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất.

** Về các quy định về thuế và các vấn đề tài chính khác đối với đất đai*

Các quy định về thuế và các vấn đề tài chính khác đối với đất đai tác động trực tiếp đến lợi ích của nhà đầu tư nông nghiệp. Các quy định về thuế và các vấn đề tài chính khác đối với đất đai phải có tính ổn định lâu dài để các nhà đầu tư dự tính lợi nhuận, hạn chế rủi ro do thay đổi chính sách thuế đem lại. Để khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất Nhà nước cần xây dựng chính sách thuế và các vấn đề tài chính khác đối với đất đai theo hướng thu thấp các loại thuế, phí trong hạn điền, nhất là tiền thuê đất, phí về chuyển đổi, chuyển nhượng ruộng đất, phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...

Hiện nay, chính sách thuế, phí đang ưu đãi ở mức cao nhất đối với lĩnh vực nông nghiệp, giảm việc huy động thuế, phí từ lĩnh vực này ở mức thấp nhất, cụ thể:

- Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đến hết 31/12/2020 đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sử dụng đất nông nghiệp để sản xuất nông nghiệp; toàn bộ diện tích đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho các tổ chức đang trực tiếp sử dụng đất để sản xuất nông nghiệp.

- Miễn thuế nhập khẩu đối với vật tư đầu vào cho sản xuất nông nghiệp (như giống cây trồng; giống vật nuôi, thuốc bảo vệ thực vật trong nước chưa sản xuất được, cần thiết nhập

khẩu theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền) theo quy định tại Khoản 12 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13.

- Về thuế giá trị gia tăng (GTGT): sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu thuộc diện không chịu thuế GTGT; phân bón; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp... thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

- Miễn thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đối với thu nhập của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường; thu nhập từ chuyển đổi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao để sản xuất.

- Miễn thuế đối với thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản, sản xuất muối của hợp tác xã; thu nhập của hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp ở địa bàn khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn; thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn đặc biệt khó khăn.

Áp dụng mức thuế suất ưu đãi 10% (thuế suất phổ thông là 20%) đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; nuôi trồng, chế biến nông, thủy sản ở địa bàn khó khăn; nuôi trồng lâm sản ở địa bàn khó khăn; sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; sản xuất, khai thác và tinh

chế muối, trừ sản xuất muối đã được miễn thuế; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm.

Thuế suất ưu đãi 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản không thuộc địa bàn khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn.

Áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế tối đa không quá 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 9 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Áp dụng thuế suất 17% trong 10 năm, miễn thuế tối đa không quá 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 4 năm tiếp theo đối với phần thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Về thuế tài nguyên, theo quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế số 71/2014/QH13 thì “nước thiên nhiên dùng cho nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp” thuộc đối tượng không chịu thuế tài nguyên.

Ngoài việc miễn thuế, chính sách phí và lệ phí cũng đề cập, trong lĩnh vực nông nghiệp có nhiều ưu đãi, như: miễn lệ phí trước bạ đối với đất được Nhà nước giao, cho thuê hoặc công nhận sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và làm muối.

Thay đổi, bãi bỏ các loại phí, lệ phí không phù hợp trong lĩnh vực nông nghiệp như: chuyển 6 khoản phí trong lĩnh vực nông

nghiệp sang thực hiện theo giá dịch vụ; bãi bỏ 9 khoản lệ phí trong lĩnh vực nông nghiệp nhằm giảm thủ tục hành chính, giảm chi phí đầu vào của doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp.

Như vậy, chính sách thuế, phí đang có nhiều ưu đãi đối với sản xuất nông nghiệp, Nhà nước đã miễn giảm nhiều loại thuế, phí, giảm thủ tục hành chính, góp phần giảm chi phí đầu vào của doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, qua đó khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất.

Như vậy, quyền của người sử dụng đất được xác lập rõ ràng; mức hạn điền khá cao và phù hợp với điều kiện của nước ta hiện nay; thời hạn giao đất, cho thuê đất khá dài; chính sách thuế, phí rất ưu đãi. Tất cả những điều này cho thấy chính sách, pháp luật của Nhà nước rất thuận lợi cho việc tích tụ, tập trung ruộng đất phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn, công nghệ cao. Chính sách nhà nước về đất đai đã cụ thể hóa phương hướng nhiệm vụ mà Văn kiện Đại hội XII của Đảng: *“Chú trọng đầu tư vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp. Có chính sách phù hợp để tích tụ, tập trung ruộng đất, thu hút mạnh các nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp; từng bước hình thành các tổ hợp nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ công nghệ cao”*¹.

Trên cơ sở chính sách đất đai của Nhà nước về tích tụ ruộng đất góp phần sản xuất hàng hóa lớn, ứng dụng công nghệ cao. Các tỉnh trong cả nước, trong đó đặc biệt là các tỉnh vùng đồng bằng Bắc bộ, vùng đồng bằng sông

Cửu Long. Trên cơ sở căn cứ vào chính sách của Nhà nước và thực tiễn của tỉnh, cụ thể hóa chính sách tỉnh mình nhằm tích tụ ruộng đất, sản xuất hàng hóa với công nghệ cao.

Thái Bình là một trong số các tỉnh đã và đang thực hiện, một số mô hình tích tụ ruộng đất, ứng dụng công nghệ cao xuất hiện như huyện Vũ Thư đã quy hoạch được 11 vùng tích tụ ruộng đất sản xuất nông nghiệp liên xã với tổng diện tích 3.342 ha, trong đó có 6 vùng màu và 5 vùng lúa; ngoài ra có vùng tích tụ ruộng đất sản xuất nông nghiệp hàng hóa liên thôn với diện tích 2.230 ha. Vũ Thư cũng đã thu hút được Tập đoàn TH và một số doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất nông nghiệp với tổng diện tích hơn 1.000 ha và 164 cá nhân, hộ gia đình thực hiện tích tụ ruộng đất sản xuất nông nghiệp trên 572 ha, nhiều hộ chuyển từ đất cấy lúa sang trồng cây ăn quả, trồng bí xanh, trồng cây dược liệu có liên kết bao tiêu sản phẩm như: cây cà gai, nghệ, húng quế... Đông Hưng tích tụ ruộng đất, sản xuất hàng hóa ở khu vực khảo nghiệm, giống lúa mới của Công ty cổ phần Tập đoàn Thaibinh Seed ở xã Đông Cường hiện có cả các giống lúa mới, lúa lai, lúa nhập ngoại và giống lúa truyền thống cung cấp cho bà con nông dân trong sản xuất. Các sản phẩm giống lúa như BC15, TBR-1, TBR45, Thái Xuyên 111... của Công ty đã có mặt ở hơn 50 tỉnh, thành phố trên cả nước.

Sự phát triển kinh tế của Thái Bình góp phần thực hiện mục tiêu mà Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX đã đề ra: *“Phấn đấu xây dựng Thái Bình đến năm 2025 trở thành tỉnh phát triển trong khu vực đồng bằng sông Hồng; đến năm 2030 trở thành tỉnh phát triển, thuộc nhóm dẫn đầu trong khu vực Bắc Bộ và đến năm 2045 trở thành tỉnh phát triển trong cả nước”*./.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H.2016, tr.93

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG THEO LUẬT SỐ 47/2019/QH14

ThS. Lại Thị Giang

Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật

Hai là, giảm số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Trong đó:

- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh giảm 10 đại biểu. Cụ thể:

Tỉnh miền núi, vùng cao có từ 500.000 dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; từ 500.000 dân trở lên có tối đa 75 đại biểu. Tỉnh còn lại có từ 01 triệu dân trở xuống được bầu 50 đại biểu; từ 01 triệu dân trở lên được bầu không quá 85 đại biểu. Đối với Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh có tối đa 95 đại biểu.

- Hội đồng nhân dân cấp huyện giảm 05 đại biểu:

Huyện miền núi, vùng cao, hải đảo có từ 40.000 dân trở xuống được bầu 30 đại biểu; trên 40.000 dân được bầu tối đa 35 đại biểu. Huyện còn lại có từ 80.000 dân trở xuống được bầu 30 đại biểu; trên 80.000 dân được bầu tối đa 35 đại biểu. Số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân ở huyện có từ ba mươi đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc trở lên do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, nhưng tổng số không quá bốn mươi đại biểu.

- Hội đồng nhân dân cấp xã:

Xã miền núi, vùng cao và hải đảo có từ 2.000 dân trở xuống được bầu 15 đại biểu. Xã miền núi, vùng cao và hải đảo có trên 2.000 dân đến dưới 3.000 dân được bầu 19 đại biểu. Xã miền núi, vùng cao và hải đảo có 3.000 dân được bầu 21 đại biểu; có trên 3.000 dân thì được bầu tối đa 30 đại biểu. Xã còn lại có từ 5.000 dân trở xuống được bầu 25 đại biểu;

Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 đã kế thừa những ưu điểm, khắc phục những hạn chế, vướng mắc sau 12 năm thực hiện Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003. Tuy nhiên, sau 05 năm thực hiện, một số quy định trong Luật cũng bộc lộ những hạn chế. Nhằm cụ thể hóa nhiệm vụ của Nghị quyết số 18-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Luật số 47/2019/QH14 đã được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 22/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương và có hiệu lực từ ngày 01/7/2020. Theo đó, chính quyền địa phương sẽ có những thay đổi như sau:

Một là, mỗi cấp chính quyền địa phương sẽ được tổ chức linh hoạt, cho phù hợp với các đặc điểm riêng của địa phương đó. Do đó, Luật số 77/2015/QH13 quy định ở mỗi cấp chính quyền gồm Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Luật số 47/2019/QH14, đã sửa đổi từ: “Cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” thành: “Chính quyền địa phương được tổ chức phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt”. Như vậy, theo quy định sửa đổi này, mỗi cấp chính quyền địa phương không nhất thiết phải có đầy đủ cả Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân mà căn cứ vào tình hình của địa phương để tổ chức cho phù hợp.

có trên 5000 dân được bầu tối đa 30 đại biểu. Phường có từ 10.000 dân trở xuống được bầu 21 đại biểu; phường có trên 10.000 dân được bầu tối đa 30 đại biểu.

Nhìn chung, Luật sửa đổi theo hướng tinh gọn, số lượng đại biểu giảm trên số dân cư. Điều đó cho thấy Luật đang sửa đổi để bộ máy ở các đơn vị hành chính các cấp có cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo định hướng của Nghị quyết số 18-NQ/TW.

Ba là, Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân các cấp cũng có sự thay đổi.

Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp đều gồm chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân và các ủy viên là trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân.

Số lượng phó chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có sự thay đổi, có từ một đến hai phó chủ tịch. Nếu chủ tịch Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách thì có một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; trường hợp Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách thì có hai Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Hiện nay, Hội đồng nhân dân cấp huyện chỉ còn 01 (một) phó chủ tịch. Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh không còn là thành viên của thường trực Hội đồng nhân dân.

Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách thì Ban có một Phó Trưởng ban; trường hợp Trưởng ban của Hội đồng nhân dân là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách thì Ban có hai Phó Trưởng ban.

Bốn là, không còn sử dụng cụm từ “hợp bất thường”

“Hợp bất thường” được hiểu là những kỳ họp không được tổ chức như thường lệ. Tuy nhiên, cũng có ý kiến cho rằng, sử dụng cụm từ đó có thể sẽ gây hiểu nhầm là kỳ họp

không bình thường. Vì vậy, sửa đổi cụm từ “hợp bất thường” thành “hợp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất hoặc họp chuyên đề”. Sửa đổi như vậy là phù hợp.

Năm là, có sự điều chỉnh về số lượng phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Theo quy định của Luật số 77/2015/QH14, xã, phường, thị trấn loại I có tối đa 02 phó chủ tịch; xã, phường, thị trấn loại II, III có tối đa 01 phó chủ tịch. Tuy nhiên, theo Luật số 47/2019/QH14, xã, phường, thị trấn loại II được bổ sung thêm 01 phó chủ tịch. Việc quy định tối đa cũng là nhằm hạn chế việc bổ nhiệm quá nhiều số lượng lãnh đạo trong khi nhu cầu quản lý không cần thiết. Hiện nay, một số đơn vị hành chính ở xã, phường, thị trấn trong cả nước đã thực hiện việc sáp nhập. Do vậy, sẽ có những thay đổi về các tiêu chí diện tích, quy mô dân số để đảm bảo số lượng phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phù hợp với đơn vị hành chính mới theo quy định của Luật.

Nói tóm lại, tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương ở các cấp đã có một số thay đổi khi Luật số 47/2019/QH14 có hiệu lực. Việc sửa đổi phải theo hướng đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương nhằm bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, tổ chức hợp lý các cấp chính quyền địa phương, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước ở địa phương trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước./.

Tài liệu tham khảo

1. Luật số 77/2015/QH13 về Tổ chức chính quyền địa phương.
2. Luật số 47/2019/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TĂNG CƯỜNG TÍNH NGHIÊM MINH CỦA PHÁP LUẬT ĐI ĐÔI VỚI ĐẨY MẠNH GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC CÁCH MẠNG

ThS. Bùi Đức Dũng

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, để xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân, trong sạch, vững mạnh, hiệu quả phải kết hợp chặt chẽ giữa pháp luật và đạo đức. Ngay từ khi chuẩn bị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Người đã đặc biệt coi trọng giáo dục đạo đức cách mạng. Sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời đã từng bước xây dựng hệ thống pháp luật, thực thi pháp luật phải đảm bảo tính nghiêm minh. Đồng thời, Người quan tâm đẩy mạnh giáo dục đạo đức, Người cũng yêu cầu đội ngũ cán bộ phải “guơng mẫu trong việc thi hành Hiến pháp và các luật lệ”¹. Trong giai đoạn hiện nay, trước yêu cầu xây dựng Đảng, Nhà nước ngày càng trong sạch, vững mạnh, đủ sức lãnh đạo, quản lý đất nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, đòi hỏi Đảng ta phải đặc biệt quan tâm đến việc tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng.

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung do nhà nước đặt ra và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị và nhu cầu tồn tại của xã hội nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, tạo lập trật tự, ổn định cho sự phát triển của xã hội. Đạo đức là những nguyên tắc, chuẩn mực, định hướng giá trị được xã hội thừa nhận, có tác dụng chi

phối, điều chỉnh hành vi con người trong quan hệ với người khác. Điểm chung pháp luật và đạo đức là đều thuộc hình thái ý thức xã hội và đều nhằm mục đích cao nhất là thực hiện và bảo vệ quyền con người, xây dựng xã hội tốt đẹp, phát triển.

Theo Hồ Chí Minh, trong mối quan hệ giữa pháp luật và đạo đức thì đạo đức là gốc, pháp luật phải dựa trên nền đạo đức, hướng mọi người phấn đấu theo chuẩn đạo đức mới. Người khẳng định: Luật pháp dựa vào đạo đức, mặt khác luật pháp bảo vệ đạo đức. Pháp luật là một biện pháp để khẳng định một chuẩn mực đạo đức nào đó nhằm biến nó thành thói quen, nếp sống. Chuẩn mực đạo đức càng rộng bao nhiêu thì vai trò của pháp luật càng quan trọng bấy nhiêu. Người từng nói: Nghĩ cho cùng, vấn đề tư pháp cũng như mọi vấn đề khác, trong lúc này là vấn đề ở đời và làm người, ở đời và làm người là phải yêu nước thương dân, thương nhân loại bị đau khổ, áp bức. Vì vậy mà Hồ Chí Minh cho rằng đạo đức cần được xem như “pháp luật tối đa”, còn pháp luật được xem như “đạo đức tối thiểu”. Bởi có những vi phạm mà pháp luật không thể xét xử, nhưng con người vẫn không thoát khỏi sự trừng phạt của tòa án lương tâm. Nguyên Bộ trưởng Bộ Tư pháp Vũ Đình Hòe trong tác phẩm “Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh” đã chỉ rõ: “Ở Hồ Chí Minh, đạo

đức là gốc... trong cái nhất thể pháp luật và đạo đức thì thiện, đức có trước và là gốc của lệ, luật, mà xét về công dụng thì đạo đức gây men sống... Đạo đức của Bác, pháp lý của Bác đều xuất phát từ gốc “chí công vô tư” và đều nhằm mục đích “chí công vô tư”... Đó là nét độc đáo trong mối quan hệ hữu cơ giữa đạo đức và pháp luật mà Bác Hồ đã dạy cho chúng ta”².

Trong việc thi hành pháp luật, cái khó nhất là phải bảo đảm được tính vô tư, khách quan, công bằng, bình đẳng đối với mọi công dân trước pháp luật. Hồ Chí Minh đòi hỏi pháp luật của ta “*phải thẳng tay trừng trị những kẻ bất liêm, bất kỳ kẻ ấy ở địa vị nào, làm nghề nghiệp gì*”³. Hồ Chí Minh rất đề cao phép nước, “nhân trị” đi đôi với “pháp trị”. Vụ án Trần Dụ Châu cho thấy tính nghiêm minh của pháp luật để trừng trị thích đáng đối với tội tham ô, tham nhũng tiền của nhà nước. Trong kháng chiến chống Pháp, Đại tá Trần Dụ Châu, khi làm Cục trưởng Cục Quân nhu, đã lợi dụng chức vụ, bớt xén phần cơm áo vốn đã rất kham khổ, thiếu thốn của bộ đội ta để sống ăn chơi, hưởng lạc, lãng phí... Vụ án đã được khởi tố, đưa ra tòa án quân sự, y bị lĩnh án tử hình. Trần Dụ Châu và gia đình kháng án lên Bác Hồ, xin được khoan hồng. Mặc dù rất đau lòng Người vẫn phải ký lệnh y án tử hình Trần Dụ Châu. Qua đó, có thể thấy, Hồ Chí Minh rất đề cao phép nước, “nhân trị” đi đôi với “pháp trị”. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi cán bộ là gốc của cách mạng, là vốn quý đáng trân trọng, song bất cứ ai làm tổn hại đến danh dự, uy tín của Đảng, Nhà nước và lợi ích của nhân dân thì dù có là cán bộ cấp cao cũng vẫn bị xét xử nghiêm minh trước pháp luật.

Tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật kết hợp với đẩy mạnh giáo dục đạo đức còn được thể hiện trong việc giáo dục cho nhân dân hiểu biết về pháp luật, từ đó tạo ra tính chủ động của người dân trong thực thi pháp luật. Những cán bộ, nhất là cán bộ ngành tư pháp, phải làm gương trong việc tuân thủ pháp luật cũng rất cần thiết. Bởi vì văn hoá phương Đông chứa đựng một triết lý “*một tấm gương sống còn có giá trị hơn hàng trăm bài diễn văn tuyên truyền*”⁴. Trong thư gửi Hội nghị Tư pháp toàn quốc tháng 2-1948, Hồ Chí Minh viết: “*Các bạn là bậc trí thức. Các bạn có cái trách nhiệm nặng nề và vẻ vang là làm gương cho dân trong mọi việc... Các bạn là những người phụ trách thi hành pháp luật. Lễ tất nhiên các bạn phải nêu cao cái gương “phụng công, thủ pháp”, chí công vô tư cho nhân dân noi theo*”⁵. Bản thân Chủ tịch Hồ Chí Minh là tấm gương sáng, mẫu mực trong việc thực thi pháp luật. Những câu chuyện về việc Người chấp hành nghiêm chỉnh luật giao thông, đèn đỏ dừng lại hay đơn giản là tôn trọng quy định của nhà chùa cỡi dép khi vào lễ Phật,... được nhân dân truyền tụng, học tập, có sức giáo dục to lớn cho cán bộ, nhân dân trong việc thực thi pháp luật.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng có giá trị to lớn trong thời kỳ đổi mới đất nước ta hiện nay, nhất là trong xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Trong những năm gần đây, tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa trong một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn diễn biến phức tạp, “*đạo đức xã hội có mặt xuống cấp nghiêm trọng*...”. Những

tác động mặt trái của kinh tế thị trường làm băng hoại nhiều giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc, cùng với đó là những hành vi phi đạo đức rất đáng lo ngại. Bên cạnh đó, pháp luật còn tồn tại nhiều kẽ hở, chưa thực sự hoàn thiện, thậm chí còn nhiều bất cập, chồng chéo, năng lực quản lý xã hội bằng pháp luật có những yếu kém; dẫn đến trục lợi, tham ô, tham nhũng, lợi ích nhóm diễn biến phức tạp, đang là nguy cơ đối với sự tồn vong của chế độ. Thẩm nhuần tư tưởng của Người về tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật đi đôi với đẩy mạnh giáo dục đạo đức cách mạng, Đảng và Nhà nước ta đã xác định: quản lý đời sống xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức, giữ gìn và phát huy các giá trị đạo đức truyền thống, các quan điểm, chuẩn mực đạo đức tốt đẹp của dân tộc. Do đó, hệ thống pháp luật ở nước ta hiện nay đã và đang được xây dựng, từng bước hoàn thiện trên nền tảng đạo đức cách mạng “Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư”, đó là những chuẩn giá trị có nội dung pháp lý.

Để bảo vệ và phát huy các giá trị đạo đức tốt đẹp, Nhà nước ta đã pháp luật hóa các quan niệm, quy tắc, chuẩn mực đạo đức cách mạng. Luật Cán bộ, công chức năm 2008 lần

đầu tiên đã đưa khái niệm “đạo đức” vào quy định về nghĩa vụ của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ. Đây là những biểu hiện cụ thể, sinh động về việc quán triệt, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay./.

Tài liệu tham khảo

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Tập 12*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.428.
2. Vũ Đình Hòa: *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2001, tr.334.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Tập 5*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.641.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Tập 1*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.284.
5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Tập 5*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.472-473.
6. Song Thành: *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005.



THỨC ĐẨY LIÊN KẾT SẢN XUẤT TRONG NÔNG NGHIỆP GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN THÁI BÌNH

ThS. Đinh Thị Thúy Hà

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Liên kết trong sản xuất nông nghiệp là hình thức hợp tác, liên kết trên cơ sở có hợp đồng ký kết giữa các đối tượng là cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp trong các khâu của quá trình sản xuất nông nghiệp thông qua việc cung cấp dịch vụ đầu vào cho sản xuất, thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Trong sản xuất nông nghiệp sự liên kết cần thiết hơn bao giờ hết, nhất là khi đất nước ta đang phát triển nền kinh tế thị trường, hoạt động sản xuất nông nghiệp trong kinh tế nông thôn đứng trước nhiều biến động đòi hỏi sự thay đổi về hình thức sản xuất, về đầu tư, tiêu thụ sản phẩm. Trong khi đó, hình thức kinh tế hộ gia đình vẫn là phổ biến gắn với hình thức sản xuất phân tán, nhỏ lẻ, tự phát. Để đáp ứng yêu cầu về chất lượng, sản lượng, kinh tế hộ đang gặp nhiều khó khăn trong sản xuất như thiếu vốn đầu tư, đất đai canh tác hạn chế, ít có khả năng tiếp nhận công nghệ kỹ thuật mới. Điều kiện thiên tai, biến động của thị trường trong nước và thế giới cũng gây những tác động tiêu cực đến sản xuất và đời sống của nhiều hộ gia đình nông dân. Điều này cho thấy, kinh tế hộ không thể phát triển nếu thiếu sự liên kết với các chủ thể khác.

Hiện nay có hai hình thức liên kết trong nông nghiệp gồm liên kết dọc (liên kết giữa các chủ thể theo đường đi của sản phẩm như liên kết doanh nghiệp với nông dân, doanh nghiệp với hợp tác xã và hộ gia đình...) liên kết ngang (liên kết giữa các chủ thể cùng sản xuất một lĩnh vực như liên kết hộ gia đình với hộ gia đình,...). Dù dưới hình thức liên kết nào thì các chủ thể tham gia liên kết đều

đạt được những lợi ích kinh tế, việc liên kết sẽ đảm bảo về năng suất, chất lượng và lợi nhuận, bên cạnh đó còn giải quyết tình trạng manh mún trong sản xuất nông nghiệp, giảm thiểu được tác động xấu đến môi trường nông thôn vì các mô hình liên kết sản xuất với quy trình sản xuất đồng loạt trên tất cả các khâu theo tiêu chí 5 cùng (cùng giống, cùng thời vụ, cùng chăm sóc, cùng phòng trừ sâu bệnh, cùng thu hoạch) nên tránh được độc hại gây ô nhiễm môi trường.

Thái Bình là tỉnh có nhiều tiềm năng phát triển nông nghiệp và hiện nay nông nghiệp đang có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thái Bình đã xác định giải quyết đầu ra cho sản xuất nông nghiệp là mấu chốt của phát triển thị trường nông thôn nên Thái Bình đã chú trọng xây dựng và phát triển nhiều mô hình liên kết nhằm giúp nông dân sản xuất và tiêu thụ nông sản. Trong các mô hình liên kết sản xuất nông nghiệp, thì liên kết theo chiều dọc giữa doanh nghiệp với hộ gia đình nông dân thông qua các hợp tác xã nông nghiệp theo mô hình cánh đồng mẫu đã và đang mang lại hiệu quả và ngày càng mở rộng. Năm 2020, toàn tỉnh có 479 cánh đồng lớn với diện tích gần 14.000 ha tăng 302 cánh đồng tương đương diện tích trên 3.400 ha so với năm 2015 được tập trung chủ yếu ở các huyện Quỳnh Phụ, Đông Hưng, Tiền Hải, Kiến Xương, Vũ Thư và Thành phố Thái Bình. Điển hình về vụ mùa năm 2020 có 283 cánh đồng lớn (tại 128 xã, thị trấn), trong đó có 237 cánh đồng lúa (7.191 ha); 46 cánh đồng màu (659 ha) chủ yếu là dưa, bí... Diện tích có hợp đồng bao tiêu sản phẩm đối với diện tích lúa là 4.943 ha, đối với diện tích màu là 435 ha,

được hợp đồng với các Công ty cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed, Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung ương, Công ty TNHH Đầu tư phát triển An Đình, Công ty TNHH Hưng Cúc, Công ty Cổ phần chế biến nông sản Thương mại dịch vụ Thanh Nhân, Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản Hải Dương... đã đem lại hiệu quả cao như Hợp tác xã Bình Định (Kiến Xương) đã liên kết với Công ty cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed sản xuất lúa giống trên 300 ha với năng suất lúa đạt 135,2 tạ/ha, tổng sản lượng lúa đạt 7.435 tấn, đạt giá trị trên 80 tỷ đồng. Ngoài ra, còn nhiều mô hình cánh đồng lớn tiêu biểu như 100 ha đến 200 ha của Hợp tác xã Đông Quý (Tiền Hải), Hợp tác xã An Mỹ, An Thanh (Quỳnh Phụ) liên kết với Công ty cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed. Cánh đồng lớn sản xuất lúa diện tích 65 ha của Hợp tác xã Thái Thọ (Thái Thụy) liên kết với Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung ương. Theo đánh giá hiệu quả sản xuất của tỉnh, ngoài lúa, các cánh đồng lớn đã cho hiệu quả cao, giá trị sản xuất và thu nhập bình quân tăng từ 1,2-1,7 lần so với canh tác truyền thống nhờ giảm chi phí sản xuất, tăng năng suất cây trồng. Hiện nay năng suất lúa của tỉnh đạt khoảng 132 tạ/ha/năm cao nhất trong khu vực đồng bằng sông Hồng, sản lượng thóc duy trì đạt 1 triệu tấn/năm.

Chăn nuôi phát triển theo hướng gia trại, trang trại với công nghệ kiểu chuồng khép kín, tự động hoặc bán tự động, đệm lót sinh học, quy trình VietGAHP... Toàn tỉnh có 828 trang trại chăn nuôi và trên 7.200 gia trại, 20 tổ hợp tác, hợp tác xã chăn nuôi. Hiện nay có 4 doanh nghiệp đang thực hiện liên kết hợp tác với gần 30 chủ trang trại chăn nuôi với quy mô liên kết trên 10 nghìn con lợn và hàng trăm nghìn con gia cầm. Đề án phát triển đàn trâu bò thương phẩm theo chuỗi liên kết đã đem lại kết quả cao. Đánh giá sơ bộ của tỉnh cho thấy tổng đàn trâu bò đạt 81,7% mục tiêu đề án, tổng sản lượng thịt trâu bò hơi xuất

chuồng đạt 92,4% mục tiêu, đàn trâu bò cái nền đạt chuẩn ước đạt 70% mục tiêu; tỷ trọng giá trị chăn nuôi trâu bò trên tổng giá trị sản xuất toàn ngành chăn nuôi đạt 86,6% mục tiêu đề án. Hiện nay đã có 10 doanh nghiệp đề xuất được khảo sát, nghiên cứu, đầu tư vào chăn nuôi trâu, bò thương phẩm.

Để có được kết quả trên, Thái Bình thúc đẩy mô hình liên kết bằng chính sách hỗ trợ xây dựng cánh đồng mẫu lớn như hỗ trợ kinh phí để các mô hình điểm xây dựng hệ thống giao thông thủy lợi nội đồng theo cơ chế xây dựng nông thôn mới để tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hộ sản xuất được thụ hưởng chính sách ưu đãi về đầu tư, về vay vốn trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, nông thôn, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi để các doanh nghiệp nông nghiệp, doanh nghiệp cung ứng vật tư, chế biến và tiêu thụ sản phẩm hợp tác xây dựng cánh đồng mẫu lớn. Đồng thời, Thái Bình cũng đẩy mạnh vận động các doanh nghiệp liên kết trong thực hiện mô hình cánh đồng mẫu như ứng trước vật tư cho nông dân không tính lãi và thanh toán sau khi thu hoạch. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp như: Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 24/9/2014 về ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư vào một số lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Bình giai đoạn đến năm 2020; Quyết định số 2282/QĐ/UBND về phê duyệt đề án phát triển mô hình Hợp tác xã hoạt động hiệu quả theo Luật Hợp tác xã năm 2012 gắn với liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị cho các hộ thành viên. Để tiếp tục thúc đẩy các mô hình liên kết sản xuất trên địa bàn trong giai đoạn tới, Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình đã ban hành Nghị Quyết số 40/2020/NQ-HĐND về phê duyệt chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất

và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2021-2025.

Trong thời gian qua, tuy mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong nông nghiệp Thái Bình đã đạt được những thành công nhất định song vẫn còn những tồn tại cần phải khắc phục đó là: Tập quán sản xuất nông nghiệp tự cung cấp vẫn là tư duy chính của nông dân ở Thái Bình nên khó khăn khi hướng đến sản xuất hàng hóa lớn. Hợp đồng tiêu thụ nông sản còn thiếu chế tài nên nhiều khi doanh nghiệp sau khi đầu tư đã không thể mua được sản phẩm theo hợp đồng. Diện tích sản xuất bình quân đầu hộ nhỏ, manh mún cùng với trình độ không đều của người nông dân nên ứng dụng cơ giới hóa các khâu làm đất, thu hoạch và nhất là việc tổ chức liên kết để cùng sản xuất giống đại trà, tuân thủ quy trình kỹ thuật trong sản xuất khó khăn. Hợp tác xã chưa làm tốt vai trò kết nối giữa doanh nghiệp và hộ nông dân. Doanh nghiệp đầu tư và ký hợp đồng thu mua nông sản ở địa phương còn ít.

Để khắc phục những tồn tại trên, nhằm đẩy mạnh liên kết trong sản xuất nông nghiệp trong thời gian tới, tỉnh cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, tiếp tục rà soát và thực hiện tốt các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia các mô hình liên kết trong nông nghiệp, tạo sự hài hòa lợi ích giữa các bên tham gia trong mô hình liên kết.

Hai là, đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp; tập trung chuyên đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi phù hợp với điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng của từng địa phương; tăng cường áp dụng khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa vào sản xuất, chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm. Tập trung huy động và bố trí nguồn lực để thực hiện hiệu quả

chương trình “Mỗi xã một sản phẩm - OCOP”; nâng cấp sản phẩm OCOP đã được công nhận, tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm. Tiếp tục triển khai các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Ba là, tiếp tục thực hiện tích tụ, tập trung ruộng đất để xây dựng cánh đồng lớn và vùng sản xuất tập trung, gắn với phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản.

Bốn là, hỗ trợ nâng cao năng lực cho các Hợp tác xã để làm tốt vai trò trung gian liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân. Theo đó, cần có chính sách đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ hợp tác xã về kỹ năng quản trị, xây dựng phương án sản xuất kinh doanh, kết nối thị trường.

Năm là, huy động tham gia hỗ trợ của chính quyền địa phương trong quá trình liên kết cần có sự tham gia của Hội Nông dân xã, cán bộ thôn làm cầu nối giữa doanh nghiệp với nông dân, hoặc phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương cấp xã trong việc tổ chức sản xuất và thực thi hợp đồng. Ngoài ra, Hội Nông dân cần đóng vai trò quan trọng trong việc hòa giải, giải quyết khi tranh chấp xảy ra. Hội nông dân cần tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, hướng dẫn cán bộ, hội viên nông dân về các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đối với phát triển hợp tác, liên kết trong nông nghiệp.

Tài liệu tham khảo

1. Hồ Quế Hậu: *Liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp chế biến nông sản với nông dân ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế Quốc dân, 2012.

2. Chi Mai: *Liên kết trong sản xuất: Xu thế phát triển tất yếu của nông nghiệp hiện đại*, <http://www.vacvina.org.vn>.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ TỔ CHỨC THI GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH THÁI BÌNH HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Thủy

Trưởng phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học

Công tác thi, kiểm tra đánh giá là khâu quan trọng trong quá trình dạy học, có liên hệ biện chứng, chặt chẽ với các hoạt động dạy học, có tác động tích cực đến chất lượng, hiệu quả giáo dục, nên luôn được các nhà trường quan tâm.

Những năm qua, công tác tổ chức thi của trường Chính trị tỉnh Thái Bình về cơ bản đảm bảo đúng quy chế, quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, góp phần nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng, hoàn thành được mục tiêu, nhiệm vụ các năm học đề ra. Tuy nhiên, công tác tổ chức thi thời gian qua còn tồn tại những hạn chế nhất định, như: chưa thực sự phát huy được tính tự giác, tích cực, chủ động trong học tập của học viên; việc ra đề thi đôi lúc chưa đảm bảo đầy đủ các yêu cầu (tính khoa học, tính thời sự, phân loại học viên...); công tác coi thi, chấm thi, công bố kết quả thi, lưu trữ hồ sơ thi còn một số bất cập...

Quá trình đào tạo, bồi dưỡng các hệ lớp ở Trường Chính trị Thái Bình hiện nay bao gồm nhiều khâu, nhiều bộ phận tham gia, để xác định chất lượng của quá trình ấy thì việc đánh giá kết quả học tập của người học sau từng phần học, môn học, cả khóa học có vai

trò hết sức quan trọng. Đánh giá kết quả học tập của học viên có nhiều cách, song hình thức cơ bản và phổ biến nhất hiện nay vẫn là tổ chức thi. Quản lý và tổ chức thi là một quy trình gồm các khâu: ra đề, đáp án; duyệt đề, đáp án; coi thi; chấm thi và thanh tra thi. Quản lý và tổ chức thi có ý nghĩa và vai trò rất quan trọng. Nếu quản lý và tổ chức thi tốt sẽ giúp đánh giá thực chất quá trình đào tạo, từ đó sẽ có những căn cứ khoa học để các chủ thể quản lý Nhà trường điều chỉnh nội dung, phương pháp, cách thức dạy và học, thúc đẩy nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng; ngược lại, nếu quản lý và tổ chức thi không tốt sẽ đánh giá sai lệch quá trình này, làm cho các chủ thể quản lý Nhà trường đưa ra các quyết định sai lầm.

Với mục tiêu đổi mới toàn diện các khâu của quy trình đào tạo, bồi dưỡng, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng của Nhà trường, Đảng ủy và Ban Giám hiệu Trường Chính trị tỉnh Thái Bình đã xác định đổi mới công tác đánh giá kết quả học tập của học viên là khâu đột phá. Do đó, Đảng ủy, Ban Giám hiệu cùng lãnh đạo phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học đã chỉ đạo quyết liệt đổi mới triệt

để cách thức tổ chức thi đối với tất cả các hệ lớp ở Trường Chính trị tỉnh Thái Bình hiện nay.

Việc đầu tiên là lãnh đạo phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học bắt tay vào rà soát, thiết kế lại phần mềm quản lý và tổ chức thi. Mục tiêu đặt ra là làm sao để tất cả các khâu của quá trình quản lý và tổ chức thi đều được thực hiện trên phần mềm quản lý đào tạo.

Ngay từ khâu duyệt điều kiện thi, phần mềm quản lý đào tạo đã tự động lọc bỏ những học viên không đủ điều kiện dự thi do chưa đảm bảo tỷ lệ chuyên cần, chưa học bổ sung theo quy định, đảm bảo tính chính xác và khách quan.

Mọi công đoạn tổ chức thi kết thúc phần học, môn học; thi tốt nghiệp như: đánh số báo danh, chia phòng thi, sinh phách, đóng túi, lên điểm đều được thực hiện tự động trên phần mềm, hạn chế ít nhất sự tham gia của con người. Do đó, kết quả thi tạo nên sự tin cậy cao, khách quan, minh bạch, thuận tiện, chính xác, rút ngắn được thời gian công bố điểm thi.

Quá trình đổi mới quản lý và tổ chức thi vừa qua đã tạo nên sự chuyên nghiệp hóa trong công tác thi. Hiện nay, nhà trường đã có riêng một phòng tổ chức nghiệp vụ thi, mọi công đoạn trước, trong và sau thi đều được thực hiện tại đây. Rõ ràng so với trước việc tổ chức thi đã quy về một mối, khâu lưu trữ hồ sơ điểm thi cũng trở nên chuyên nghiệp hơn, thuận lợi cho việc quản lý, tra cứu, xác nhận kết quả học tập của học viên. Sau một thời gian đổi mới, nghiệp vụ làm thi của đa số chuyên viên phòng đào tạo và giảng viên được nâng lên.

Bên cạnh đó, phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học còn công khai kết quả kì thi với khoa chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm và học viên (chậm nhất 15 ngày sau khi thi). Điều này tạo lên sự phối hợp nhịp nhàng giữa khoa chuyên môn với phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học trong việc chấm trả bài thi. Đối với kỳ thi tốt nghiệp sự phối hợp này càng trở nên nhịp nhàng, rõ nét hơn.

Năm 2020, Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Thái Bình đã phê duyệt 10 đề tài khoa học cấp trường, trong đó có 4 đề tài trực tiếp góp phần làm cho công tác đổi mới quản lý tổ chức thi được thành công bền vững. Đó là đề tài “Nghiên cứu đề xuất xây dựng Quy chế thi của Trường Chính trị tỉnh Thái Bình” và 3 đề tài về xây dựng ngân hàng câu hỏi thi hết phần học, môn học, đề thi tốt nghiệp chương trình Trung cấp lý luận chính trị - hành chính (do 03 khoa chuyên môn chủ trì). Các đề tài đã được nghiệm thu và hiện đang được Ban Giám hiệu chỉ đạo nghiên cứu đưa vào sử dụng.

Việc đổi mới quản lý và tổ chức thi của Nhà trường thời gian gần đây đã làm thay đổi căn bản suy nghĩ, thái độ, tình cảm và hành động của tập thể sư phạm nhà trường, của đông đảo học viên đối với công tác quản lý, tổ chức thi.

Để có được kết quả trên, phải nói đến vai trò lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, quyết liệt, sát sao của Đảng ủy, Ban Giám hiệu và lãnh đạo phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học; đồng thời có sự ủng hộ, đồng tâm, nhất trí của toàn thể cán bộ, giảng viên, học viên, đặc biệt các đồng chí lãnh đạo các khoa phòng.

Tuy nhiên, đây mới là những thành công bước đầu. Để việc đổi mới quản lý và tổ chức thi được triệt để và mang tính bền vững, thiết nghĩ trong thời gian tới, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường cần tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo Hội đồng khoa học, các khoa chuyên môn, phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học hoàn thiện một số công việc sau:

Một là, lãnh đạo, chỉ đạo lấy ý kiến trong tập thể giảng viên và ban hành Quy chế thi của Trường chính trị tỉnh Thái Bình.

Hai là, lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng thành công, đưa vào sử dụng bộ câu hỏi thi hết môn, ngân hàng đề thi tốt nghiệp bảo đảm chất lượng, khoa học, khách quan, thời sự, chính xác, chặt chẽ, không có sai sót về kiến thức, phù hợp với thời gian cho phép thí sinh làm bài và phân loại được học viên.

Ba là, Ban Giám hiệu Nhà trường cần mở lớp tập huấn bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, nghiệp vụ thi cho cán bộ, giảng viên.

Bốn là, kiến nghị với Sở Thông tin và Truyền thông mở một thư mục công khai điểm thi trên Website của Nhà trường. Qua

đó, học viên, giảng viên, các đơn vị cử học viên đi đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị có thể kiểm soát quá trình học tập, rèn luyện của học viên.

Năm là, tăng cường cơ sở vật chất cho phòng tổ chức nghiệp vụ thi, phòng lưu trữ hồ sơ thi; khôi phục lại hệ thống camera tại các phòng học để giám sát việc tổ chức thi và quản lý học viên.

Sáu là, tạo điều kiện để cán bộ phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ khảo thí giúp cho việc quản lý và tổ chức thi của Nhà trường được chuyên nghiệp hơn.

Bảy là, tạo nên sự đồng thuận, nhất trí cao trong toàn thể tập thể sư phạm Nhà trường, trong cán bộ, giảng viên, và toàn thể học viên đối với vấn đề đổi mới quản lý và tổ chức thi. Làm cho tất cả các cá nhân tham gia vào từng khâu của quy trình quản lý, tổ chức thi đều phát huy hết trách nhiệm, tinh tích cực của bản thân. Coi đây là khâu đột phá nhằm nâng cao chất lượng đào tạo bồi dưỡng của Nhà trường những năm tiếp theo./.



MỘT VÀI NÉT KHÁI QUÁT VỀ DẠY HỌC NÊU VẤN ĐỀ

ThS. Phùng Thị Hương Huệ
Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Phương pháp là con đường, cách thức để đạt tới mục đích. Trong hoạt động dạy học, phương pháp là con đường, cách thức mà người thầy sử dụng để hướng dẫn người học tiếp nhận tri thức khoa học nào đó. Thuật ngữ “*dạy học nêu vấn đề*” xuất phát từ thuật ngữ “*Orixtic*” hay còn gọi là phương pháp phát kiến, tìm tòi. Phương pháp này còn có tên gọi là “*Dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề*”. Ta có thể hiểu: “*Dạy học nêu vấn đề là cách thức giảng viên xây dựng và đưa ra những tình huống có vấn đề dưới dạng câu hỏi tình huống, bài tập có tính chất nghiên cứu, hướng dẫn và giúp đỡ học viên phát huy tính sáng tạo, tích cực cá nhân để giải quyết các vấn đề đặt ra nhằm mục đích cuối cùng là giúp học viên nắm được tri thức mới hoặc cách thức hành động mới khi học viên tích cực tham gia vào quá trình dạy học này*” (Bùi Văn Nghị, *Tạp chí Giáo dục*, năm 2014).

Vậy đặc điểm, quy trình, cơ sở khoa học, ưu điểm và nhược điểm của dạy học nêu vấn đề là gì?

1. Đặc điểm của dạy học nêu vấn đề

Từ cách hiểu trên, dạy học nêu vấn đề có những đặc điểm sau:

** Thứ nhất, các tình huống có vấn đề là xương sống của phương pháp dạy học nêu vấn đề.*

Các tình huống dạy học có vấn đề phải biểu hiện dưới dạng các câu hỏi, bài tập nhận thức. Hình thành một tình huống dạy học có vấn đề phải thỏa mãn các điều kiện sau: Tồn tại một vấn đề, gọi nhu cầu nhận thức và gọi niềm tin vào khả năng của bản thân học viên có thể giải quyết.

Dựa vào tính chất của vấn đề cần giải quyết có 4 loại tình huống:

- Tình huống nghịch lý: Vấn đề mới thoát nhìn dường như vô lý, trái khoáy, không phù hợp với những nguyên lý đã được công nhận chung.

- Tình huống bế tắc: Vấn đề thoát đầu ta không thể giải thích nổi bằng lý thuyết đã biết.

- Tình huống lựa chọn: Mâu thuẫn xuất hiện khi ta đứng trước một lựa chọn rất khó khăn, vừa éo le, vừa oái oăm giữa 2 hay nhiều phương án giải quyết.

- Tình huống tại sao (tình huống nhân quả): Tìm kiếm nguyên nhân của một kết quả, nguồn gốc của một hiện tượng, động cơ của một hành động.

Tùy từng bài giảng, phần giảng và trình độ nhận thức của học viên mà giảng viên đưa ra tình huống có vấn đề cho phù hợp.

*** Thứ hai, trong dạy học nêu vấn đề, người học tự tìm kiếm thông tin để giải quyết vấn đề dưới sự dẫn dắt, định hướng của người thầy.**

Nhiệm vụ giải quyết các tình huống có vấn đề không phải của người dạy mà là của người học. Quá trình người học tự giải quyết tình huống có vấn đề được biểu hiện bằng các thao tác tìm kiếm mối quan hệ giữa vấn đề được nêu ra với vốn tri thức đang sở hữu của bản thân. Vì vậy, khi sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong quá trình truyền thụ tri thức của môn học, giảng viên nên giúp đỡ học viên, nhưng cần đảm bảo sự tham gia của họ một cách độc lập để học viên phải suy nghĩ, sử dụng các thao tác tư duy thông qua việc hoài nghi, dự kiến, tưởng tượng, dự đoán kết quả, nhờ đó năng lực tư duy được phát triển.

Người học giữ vị trí trung tâm trong quá trình dạy học nêu vấn đề nhưng không vì thế mà mâu thuẫn với vai trò chỉ đạo, định hướng của người thầy. Vai trò này được thể hiện ở chỗ: Người thầy phải dựa vào nội dung bài học để xác định mâu thuẫn khách quan của các bài toán nhận thức; Xác lập phương pháp để giải quyết vấn đề; chuẩn bị các câu hỏi gợi mở; tổng kết, khái quát những tri thức mà người học cần lĩnh hội tạo nền tảng vững chắc để tiếp nhận các đơn vị kiến thức tiếp theo.

2. Quy trình của dạy học nêu vấn đề

Quy trình của dạy học nêu vấn đề là một trình tự gồm nhiều giai đoạn từ khâu khởi đầu

đến khâu kết thúc của quá trình dạy học. Do đó, việc phân chia các giai đoạn trong quá trình sử dụng phương pháp này cần đảm bảo tính hệ thống, tính khoa học và phù hợp với các quy luật của quá trình nhận thức. Quy trình này gồm các bước cơ bản sau:

*** Bước 1: Nêu vấn đề (tạo tình huống có vấn đề)**

Đây là bước quan trọng quyết định toàn bộ quá trình tổ chức dạy - học. Thực chất của bước này là giảng viên tạo ra sự xung đột, mâu thuẫn trong nhận thức của học viên (giữa cái đã biết với cái chưa biết) và mong muốn giải quyết được vấn đề. Để tạo được tình huống có vấn đề, trước hết giảng viên cần phân tích cấu trúc nội dung bài giảng, xác định rõ từng đơn vị kiến thức, sắp xếp chúng theo những trình tự nhất định. Tùy theo từng đơn vị kiến thức và trình độ nhận thức của học viên mà giảng viên tạo ra tình huống dạy học có vấn đề cho phù hợp. Có nhiều cách khác nhau để tạo ra tình huống dạy học có vấn đề như: Tạo tình huống dạy học có vấn đề từ thực tiễn; tạo tình huống dạy học có vấn đề từ kiến thức đã học ở bài trước, phần trước, mục trước; tạo tình huống dạy học có vấn đề từ nội dung của bài học trên lớp.

*** Bước 2: Giải quyết vấn đề**

Đây là giai đoạn cơ bản, cần đầu tư nhiều thời gian nhất. Mục đích của giai đoạn này là làm sáng tỏ bản chất của vấn đề đặt ra trong bài toán nhận thức. Dưới sự định hướng của giảng viên, học viên phải đưa ra được các phương án, biện pháp để giải quyết tình huống có vấn đề trong tư duy một cách trọn vẹn. Giai đoạn này diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau: Tổ chức tranh luận cả lớp;

chia lớp thành nhiều nhóm nhỏ; bản thân cá nhân mỗi học viên độc lập suy nghĩ, tự giải quyết vấn đề.

*** Bước 3: Kiểm tra, đánh giá việc giải quyết vấn đề nghiên cứu**

Học viên báo cáo, trình bày kết quả nghiên cứu. Giảng viên đánh giá một cách khách quan kết quả nghiên cứu của học viên, giảng viên đưa ra đáp án hoàn chỉnh làm tiêu chuẩn đánh giá kết quả, sản phẩm nghiên cứu của học viên. Giai đoạn kiểm tra đánh giá có ý nghĩa rất quan trọng: Thông qua đó mà giảng viên nắm bắt được lượng kiến thức học viên lĩnh hội được ở mức độ nào để từ đó bổ sung hoàn thiện kiến thức cho học viên đồng thời có được giải pháp thích hợp nhằm nâng cao chất lượng của quá trình giảng dạy môn học.

3. Cơ sở khoa học của dạy học nêu vấn đề

*** Cơ sở triết học**

Theo triết học duy vật biện chứng, mâu thuẫn biện chứng là nguồn gốc, động lực của sự phát triển. Trong quá trình học tập của học viên luôn luôn xuất hiện mâu thuẫn đó là mâu thuẫn giữa yêu cầu, nhiệm vụ nhận thức với tri thức, kinh nghiệm sẵn có của bản thân. Dạy học nêu vấn đề là một phương pháp dạy học mà ở đó giảng viên tạo ra cho học viên những tình huống có vấn đề (tạo mâu thuẫn). Phương pháp này đã vận dụng một khái niệm về mâu thuẫn làm cơ sở khoa học cho mình.

*** Cơ sở tâm lý học**

Theo các nhà tâm lý học thì con người chỉ tư duy tích cực khi nảy sinh nhu cầu tư duy, tức là đứng trước một khó khăn trong nhận thức, một tình huống có vấn đề. Theo

tâm lý học kiến tạo thì học tập là quá trình mà người học xây dựng những tri thức cho mình bằng cách liên hệ những trải nghiệm mới với những tri thức sẵn có. Dạy học nêu vấn đề phù hợp với quan điểm này.

*** Cơ sở giáo dục**

Dạy học nêu vấn đề dựa trên nguyên tắc tính tích cực, tự giác, độc lập nhận thức của người học trong giáo dục bởi vì nó kêu gọi được động cơ học tập của người học.

4. Ưu điểm và nhược điểm của dạy học nêu vấn đề

*** Ưu điểm**

Thứ nhất, tạo cơ hội cho học viên phát huy được trí tuệ, tư duy, óc sáng tạo, cố gắng, nỗ lực suy nghĩ tìm ra cách giải quyết tối ưu trước những vấn đề mà bài học đặt ra giúp học viên phát huy được khả năng học tập tiềm ẩn của bản thân.

Thứ hai, hình thành và bồi dưỡng cho học viên lòng ham học hỏi, khả năng tự học, tự nghiên cứu, tìm tòi và khám phá tri thức. Tự tìm lời giải cho các bài toán nhận thức dưới sự hướng dẫn, định hướng của giảng viên, một mặt học viên tiếp thu tri thức một cách trọn vẹn, mặt khác tiếp thu cả phương pháp nhận thức - đó là công cụ giúp người học không ngừng tự lực tìm kiếm những tri thức mới.

Thứ ba, giúp giảng viên kiểm tra, đánh giá năng lực nhận thức, tiếp cận và giải quyết vấn đề của học viên một cách tương đối chính xác qua hoạt động tự học, tự nghiên cứu. Qua đó, đánh giá được ý thức của học viên trong việc hợp tác làm việc nhóm, tự học... Những thông tin thu được này không chỉ giúp giảng viên phân loại được khả năng, trình độ nhận

thức của học viên để có biện pháp giáo dục thích hợp mà còn giúp giảng viên thường xuyên tự điều chỉnh phương pháp dạy của mình. Như thế, trong một chừng mực nào đó, sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề ở môn học lại là quá trình tự giáo dục, tự rèn luyện, tu dưỡng và trau dồi cả về tri thức chuyên môn lẫn kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp cho giảng viên.

Thứ tư, phương pháp này không chỉ tích cực hóa hoạt động của học viên mà còn làm cho hoạt động của giảng viên cũng trở nên tích cực hơn. Một mặt, giảng viên trở thành người nhạc trưởng, người tổ chức và điều khiển hoạt động nhận thức của học viên nên các hoạt động giáo dục của thầy cũng đa dạng, phức tạp và khó khăn hơn, mặt khác đặt ra yêu cầu, đòi hỏi giảng viên phải không ngừng học tập, tự bồi dưỡng những phẩm chất và năng lực cá nhân nhằm đảm bảo hiệu quả trong toàn bộ quá trình dạy - học nói chung, quá trình sử dụng phương pháp dạy học này nói riêng.

*** Nhược điểm**

Thứ nhất, đòi hỏi giảng viên phải đầu tư nhiều thời gian và công sức, phải có năng lực sư phạm tốt mới suy nghĩ để tạo ra được nhiều tình huống có vấn đề và hướng dẫn tìm tòi để phát hiện và giải quyết vấn đề.

Thứ hai, việc tổ chức dạy học mất nhiều thời gian.

Dạy học nêu vấn đề là phương pháp giảng dạy tích cực. Nó có tác dụng kích thích tư duy độc lập, sáng tạo, tìm tòi phát hiện vấn đề. Nó cũng đòi hỏi giảng viên phải vận dụng kiến

thức toàn diện cả về mặt lý luận và thực tiễn để chứng minh lý giải vấn đề đặt ra. Đồng thời phương pháp dạy học nêu vấn đề còn trang bị cho học viên phương pháp luận chặt chẽ, trình bày một vấn đề có cơ sở khoa học, giúp họ tiếp cận với phương pháp của lôgic học - phương pháp tư duy lôgic./.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Trung ương (2013): *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

2. Bộ Giáo dục - đào tạo: *Dạy học tích hợp ở trường trung học cơ sở, trung học phổ thông - Tài liệu tập huấn dành cho cán bộ quản lý, giáo viên trường trung học cơ sở, trung học phổ thông*, Nxb. Đại học Sư phạm, 2015.

3. Bùi Văn Nghị: *Vận dụng lí luận vào thực tiễn dạy học môn Toán ở trường phổ thông*, Nxb. Đại học Sư phạm, 2014.

4. Hoàng Thu Phương: *Một số biện pháp phát triển năng lực tự học cho sinh viên trong dạy học môn “Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin”*, Tạp chí Giáo dục, số 421, 2018, tr 50-53.

5. Khuất Thị Thanh Vân: *Vận dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề trong quá trình dạy học bộ môn Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin ở các trường đại học, cao đẳng*, Tạp chí Giáo dục, số 311, 2013, tr 43-45.

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TÍCH CỰC VÀO CHUYÊN ĐỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

ThS. Trần Thị Nhâm

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Phương pháp dạy học tích cực (PPDH tích cực) là một thuật ngữ rút gọn, được dùng ở nhiều nước để chỉ những phương pháp giáo dục, dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. “Tích cực” trong PPDH – tích cực được dùng với ý nghĩa là *hoạt động, chủ động*, trái nghĩa với không hoạt động, thụ động chứ không dùng theo nghĩa trái với tiêu cực. PPDH tích cực hướng tới việc hoạt động hóa, tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học, tức là tập kết vào phát huy tính tích cực của người học chứ không phải là tập kết vào phát huy tính tích cực của người dạy. Để dạy học theo phương pháp tích cực thì người thầy phải nỗ lực nhiều so với dạy theo phương pháp thụ động. Trong cách dạy này học viên là chủ thể hoạt động, giảng viên là người thiết kế, tổ chức, hướng dẫn, tạo nên sự tương tác tích cực giữa người dạy và người học.

Một số phương pháp giảng dạy tích cực như: *Phương pháp nêu vấn đề; phương pháp thảo luận nhóm; phương pháp đàm thoại.*

Cần áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực nêu trên vào chuyên đề Chủ nghĩa xã hội khoa học vì không ít học viên cho rằng đây là môn học khô khan, trừu tượng mang tính đường lối, chính sách không liên quan tới chuyên môn sau này dẫn tới động cơ học tập không cao, thái độ học tập chưa đúng đắn, học để đối phó với kiểm tra, thi cử; học để trả nợ. Bên cạnh đó, về phía người dạy, giảng viên chú trọng truyền đạt đúng quan điểm, tinh thần giáo trình đề cập, chưa mạnh dạn đưa ra những quan điểm trái chiều, để kích thích học viên thảo luận và định hướng

cho người học. Để khắc phục những hạn chế trên, người dạy cần áp dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy tích cực trong quá trình lên lớp.

1. Phương pháp nêu vấn đề

“Vấn đề” trong phương pháp dạy học nêu vấn đề là một tình huống/sự kiện/hiện tượng diễn ra trong thực tế và chứa đựng những điều cần được lý giải/chứng minh/khắc phục”¹.

Dạy học nêu vấn đề là phương pháp dạy học nhằm giúp người học tiếp nhận tri thức và kỹ năng thông qua một quá trình học hỏi được thiết kế dựa trên những câu hỏi, những vấn đề và những nhiệm vụ thực tiễn được xây dựng cẩn thận.

Trình tự thực hiện giảng dạy được thực hiện qua các bước: Thứ nhất, giảng viên xây dựng vấn đề, các câu hỏi chính cần nghiên cứu, các nguồn tài liệu tham khảo; thứ hai, tổ chức lớp học để nghiên cứu vấn đề: Chia nhóm, giao vấn đề, thống nhất các quy định về thời gian, phân công, trình bày đánh giá...; thứ ba, các nhóm tổ chức nghiên cứu thảo luận nhằm trả lời các câu hỏi của vấn đề; Thứ tư: các nhóm trình bày kết quả nghiên cứu, giáo viên tổ chức đánh giá.

Ví dụ, khi giảng bài số 5 *Sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân*, giảng viên nêu ra vấn đề có tính thời sự cần được lý giải như sau: “Có ý kiến cho rằng giai cấp công nhân hiện nay có nhiều điểm thay đổi so với thế kỉ XIX vì vậy học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân không còn phù hợp với bối cảnh hiện nay

¹ TS. Lê Văn Hào: *Sổ tay phương pháp giảng dạy và đánh giá năm 2010*, Trường Đại học Nha Trang, tr.24.

nữa. Theo đồng chí, ý kiến đó đúng hay sai? Tại sao ở nước ta, cơ cấu giai cấp xã hội có nhiều biến đổi nhưng Nhà nước ta vẫn xác định giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản?”.

Để xử lý vấn đề trên, giảng viên định hướng cho người học những câu hỏi chính cần được trả lời như sau:

- Quan điểm của Mác-Ăngghen về giai cấp công nhân?
- Những thay đổi của giai cấp công nhân trong thời đại hiện nay?
- Nội dung sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân?
- Những điều kiện khách quan, chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân?
- Đặc điểm, sứ mệnh của giai cấp công nhân Việt Nam?

Sau đó, phân công các câu hỏi cho các nhóm, tổ chức nghiên cứu thảo luận nhằm trả lời các câu hỏi của vấn đề. Cuối cùng, các nhóm trình bày kết quả nghiên cứu và giảng viên đánh giá tổng hợp.

2. Phương pháp thảo luận nhóm

“Thảo luận nhóm là phương pháp trong đó nhóm lớn (lớp học) được chia thành những nhóm nhỏ để tất cả các thành viên trong lớp đều được làm việc và thảo luận về một chủ đề cụ thể và đưa ra ý kiến chung của nhóm mình về vấn đề đó”².

Phương pháp thảo luận nhóm có nhiều ưu điểm như: tạo cơ hội tối đa cho mọi thành viên trong nhóm được bộc lộ sự hiểu biết của mình, phát triển khả năng tư duy và diễn đạt; Tạo cơ hội cho mọi thành viên trong nhóm học hỏi lẫn nhau, tập lắng nghe ý kiến của người khác, giảng viên có thông tin phản hồi từ học viên để điều chỉnh việc dạy, việc học đồng thời tạo cho giờ học trở nên sinh động, hấp dẫn hơn...

Giảng viên xây dựng các câu hỏi thảo luận (các câu hỏi này được giao cho các nhóm chuẩn bị trước). Nội dung các câu hỏi thảo luận mang tính tổng hợp, vận dụng nội dung lý luận để giải thích các vấn đề thực tiễn.

Ví dụ: Vận dụng các kiến thức lý luận và thực tiễn để đề xuất các giải pháp xây dựng, phát triển giai cấp công nhân ở địa phương?

Ví dụ: Đề xuất các biện pháp tăng cường liên minh công - nông - trí thức trên lĩnh vực kinh tế ở địa phương đồng chí?

Ví dụ: Đồng chí hãy đề xuất các giải pháp để đạt được đặc trưng số 4 theo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung, phát triển năm 2011)?

Trong các buổi thảo luận trên lớp, trước tiên giảng viên sẽ kiểm tra ngẫu nhiên sự tham gia thảo luận của thành viên các nhóm. Giảng viên bố trí nhóm thuyết trình, các nhóm khác sẽ tham gia phản biện, đặt câu hỏi cho nhóm được thuyết trình giải đáp. Kết thúc mỗi vấn đề thảo luận, giảng viên cần tổng kết một cách ngắn gọn nội dung vấn đề thảo luận, đánh giá những ý kiến đúng, sai và giải quyết mọi thắc mắc xung quanh những vấn đề đó.

3. Phương pháp đàm thoại

Được hiểu là phương pháp giảng viên căn cứ vào nội dung bài học sử dụng ngôn ngữ đặt ra câu hỏi (chủ đề) cho học viên suy nghĩ, trả lời, trao đổi nhằm làm sáng tỏ vấn đề, tìm ra những tri thức mới; củng cố, mở rộng, đào sâu những tri thức đã tiếp thu, từ đó tổng kết, hệ thống hóa tri thức đã học. Phương pháp đàm thoại được chia thành các loại sau:

- Đàm thoại tái hiện: Ở hình thức đàm thoại này, giảng viên đặt ra những câu hỏi yêu cầu học viên nhớ lại kiến thức đã biết và trả lời dựa vào trí nhớ, không cần suy luận.

(Xem tiếp trang 50)

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CHỦ NHIỆM LỚP TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ LỚP HỌC Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ THÁI BÌNH

ThS. Bùi Thị Quý

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Công tác chủ nhiệm lớp đóng vai trò rất quan trọng trong việc quản lý, duy trì nền nếp và nội quy, quy chế của Trường chính trị cho học viên. Chủ nhiệm lớp là người giúp việc cho Ban Giám hiệu, người quản lý toàn diện lớp học, là cầu nối giữa Ban Giám hiệu, các phòng, khoa với tập thể học viên. Đồng thời, chủ nhiệm lớp là người luôn lắng nghe, nắm bắt các diễn biến tình hình lớp học, tâm tư nguyện vọng của học viên với nhà trường. Do đó, phát huy vai trò của chủ nhiệm lớp trong công tác quản lý lớp học ở các trường chính trị nói chung và Trường Chính trị tỉnh Thái Bình nói riêng đảm bảo cho một lớp học ổn định và có tổ chức, góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức.

Chủ nhiệm lớp luôn đồng hành cùng với học viên trong toàn bộ quá trình học tập của lớp học và thực thi những nhiệm vụ liên quan đến cả hoạt động giảng dạy của giảng viên và việc học tập, rèn luyện của học viên. Nhiệm vụ chính của chủ nhiệm lớp là thực hiện quản lý lớp học, đảm bảo duy trì, củng cố trật tự của lớp học theo đúng các nội quy, quy chế của nhà trường để đảm bảo hiệu quả, chất lượng của hoạt động giảng dạy và học tập, tức là nhằm đạt được mục tiêu của giáo dục - đào tạo.

Trong những năm qua, thực hiện các quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, công tác chủ nhiệm lớp ở Trường Chính trị tỉnh Thái Bình có nhiều ưu điểm: Các chủ nhiệm lớp là người trực tiếp quản lý, lập sơ đồ lớp học và hàng ngày phản ánh kịp thời về tỷ lệ chuyên cần, ý thức tổ chức kỷ luật và

tình hình học tập của học viên lớp mình chủ nhiệm. Đa số các giáo viên chủ nhiệm đã sát sao theo dõi việc học tập và rèn luyện của học viên, truyền đạt những chủ trương của Học viện và Nhà trường đến lớp học. Đồng thời, giáo viên chủ nhiệm thông báo đặc điểm tình hình của lớp cho khoa, phòng có liên quan biết để thuận lợi trong công tác quản lý học viên; theo dõi tinh thần, thái độ học viên trong quá trình học tập và rèn luyện tại Trường, thực hiện nghiêm túc các quy chế đào tạo. Trước khi kiểm tra điều kiện hoặc thi hết môn học, phân học, giáo viên chủ nhiệm lớp phối hợp với khoa chuyên môn và Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học để xét điều kiện dự kiểm tra, dự thi của học viên.

Trong quá trình quản lý học tập, rèn luyện nền nếp của học viên, giáo viên chủ nhiệm lớp nắm được tâm tư nguyện vọng, những điểm mạnh và yếu của học viên, giúp học viên thực hiện tốt nhiệm vụ của mình theo mục tiêu, yêu cầu khoá học. Giáo viên chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ sơ kết giữa khoá học, tổng kết và bình xét thi đua cuối khoá theo kế hoạch của Nhà trường. Khoảng 02 tuần trước khi bế giảng khoá học, giảng viên nộp báo cáo tình hình học tập và rèn luyện của học viên trong toàn khoá học và đề nghị khen thưởng học viên cho Ban Giám hiệu thông qua Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học. Vì vậy, công tác chủ nhiệm lớp đã gặt hái được thành công nhất định như: Học viên tham gia học khá đầy đủ các buổi học trên lớp, không tự ý bỏ học, nghỉ học không xin phép. Tình trạng học viên ngồi căng-tin trong giờ học được hạn chế. Học viên tích cực tham gia bài

giảng trên lớp. Kết quả thi tốt nghiệp và tổng kết khóa học có nhiều lớp học viên đạt loại khá và giỏi từ 80 % trở lên, điển hình là khóa K56A, K56 B, K57 A và K57C1.

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, công tác chủ nhiệm lớp và các hoạt động tự quản của học viên ở Trường Chính trị tỉnh Thái Bình hiện nay vẫn còn bộc lộ một số hạn chế như: Việc nắm bắt tình hình học viên, sĩ số lớp của một số giáo viên chủ nhiệm chưa kịp thời, đầy đủ; chưa khắc phục dứt điểm tình trạng học viên ngồi căng-tin trong giờ học, đi học muộn, bỏ tiết, trốn tiết; số ít học viên nghỉ học không lý do; chưa nghiêm túc thực hiện nền nếp quy chế của Nhà trường...

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng đó là do: một số cán bộ, giảng viên làm công tác chủ nhiệm kiêm nhiệm nhiều việc nên chưa thật sâu sát lớp học do mình phụ trách, chưa nắm chắc tình hình lớp học và học viên lớp mình. Số ít chủ nhiệm lớp có lúc, còn “khoán trắng” việc quản lý lớp cho ban cán sự; tổ chức sinh hoạt lớp chưa quán triệt đầy đủ cho học viên những hạn chế, tồn tại của lớp; chưa thật sự coi trọng việc quản lý lớp thông qua sổ lên lớp, sơ đồ điểm danh học viên, thiếu phối hợp với các phòng, khoa trong quản lý lớp. Một vài trường hợp, chủ nhiệm lớp vẫn còn dể dãi với lớp mình phụ trách, như: còn nể nang, bao che cho số học viên nghỉ học không xin phép, trốn tiết, đối phó với điểm danh. Một số lớp không phát huy được vai trò tự quản của ban cán sự; ban cán sự lớp không báo cáo kịp thời, chính xác tình hình và sĩ số lớp học cho chủ nhiệm lớp.

Trong giai đoạn hiện nay, Quy chế quản lý học viên, Quy chế chủ nhiệm lớp mới được (ban hành kèm theo Quyết định số 2252-QĐ/HVCTQG của Học viện Chính) trị quốc gia Hồ Chí Minh đã có nhiều thay đổi nên sự định hướng, chỉ đạo của Nhà trường đối với công tác chủ nhiệm lớp càng trở nên cụ thể, thiết thực. Để khắc phục những khó khăn hạn chế

trong công tác chủ nhiệm lớp, Nhà trường và giáo viên chủ nhiệm lớp cần thực hiện một số biện pháp sau:

Thứ nhất, cần xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng. Giáo viên chủ nhiệm lớp phải vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ, có kinh nghiệm trong việc nắm bắt tâm lý học viên và khéo léo trong xử lý tình huống sư phạm. Giáo viên chủ nhiệm phải biết tổ chức, hướng dẫn cho tập thể lớp hoạt động; biết phát huy năng lực tự quản của học viên thông qua việc tạo ra “bộ máy” cán bộ lớp do chính học viên đảm nhiệm... Nếu không có cái tâm, không có tấm lòng có lẽ người giáo viên chủ nhiệm sẽ không thể làm tốt nhiệm vụ của mình. Bởi có bao nhiêu việc “có tên” và “không tên” đòi hỏi người giáo viên chủ nhiệm phải giải quyết, có biết bao trách nhiệm mà người giáo viên chủ nhiệm phải gánh trên vai. Có thể nói, công tác chủ nhiệm lớp là một nghệ thuật và đòi hỏi người giáo viên chủ nhiệm phải là người phải sáng tạo, linh hoạt tìm ra các phương pháp quản lý lớp phù hợp với tình hình thực tế của lớp mình chủ nhiệm để công tác quản lý lớp đạt hiệu quả.

Thứ hai, chủ nhiệm lớp phải dựa vào nội quy, quy chế của Nhà trường để quản lý học viên và không được thoát ly ra khỏi những quy định đó nhưng phải vận dụng cho linh hoạt, sáng tạo, mềm dẻo phù hợp với từng đối tượng, hoàn cảnh, sự việc cụ thể sao cho thật có lý, có tình.

Thứ ba, chủ nhiệm lớp phải làm tốt công tác tổ chức lớp học, lựa chọn sắp xếp, phân công công việc cho ban cán sự lớp, tổ trưởng, tổ phó. Chủ nhiệm lớp phải biết phát huy vai trò ban cán sự lớp, cán bộ tổ trong quản lý lớp; phân công cho ban cán sự lớp việc quản lý sĩ số học viên lên lớp từng buổi, ghi vào sổ lên lớp và báo cáo chủ nhiệm lớp. Chủ nhiệm lớp sau khi đối chiếu sĩ số học viên lên lớp

nếu số vắng học nhiều hơn báo cáo của ban cán sự, thì đề nghị ban cán sự tìm ra số học viên vắng đó là ai, ở tổ nào. Phải biến quá trình quản lý thành quá trình tự quản lý nhưng vẫn có sự kiểm tra, đôn đốc thường xuyên của chủ nhiệm lớp.

Thứ tư, chủ nhiệm lớp phải thường xuyên bám lớp để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của học viên, trên cơ sở đó kịp thời động viên và báo cáo với Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học và Ban Giám hiệu tìm ra phương pháp hữu hiệu nhất để quản lý học viên đạt hiệu quả cao hơn.

Thứ năm, cương quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm nội quy, quy chế của Nhà trường. Không để học viên bỏ buổi, bỏ giờ không có lý do hoặc lý do không chính đáng. Thực hiện công bằng, công khai trong

xét dự kiểm tra, xét duyệt dự thi hết môn cho học viên.

Thứ sáu, qua mỗi phần học hoặc đợt học, chủ nhiệm lớp và ban cán sự lớp phải có cuộc họp rút kinh nghiệm trong quản lý lớp học. Nếu có hạn chế ở khâu nào phải nhanh chóng khắc phục để việc quản lý học viên ở các đợt học sau, môn học sau được tốt hơn.

Tóm lại, chủ nhiệm lớp có vai trò đặc biệt quan trọng trong công tác quản lý học viên. Tổ chức quản lý học viên tốt chẳng những đảm bảo yêu cầu học tập và rèn luyện của học viên mà còn tạo ra một nền nếp sinh hoạt có tổ chức, kỷ luật chặt chẽ. Vì vậy, nâng cao vai trò của chủ nhiệm lớp trong quản lý học viên là việc làm hết sức cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở Trường Chính trị Thái Bình hiện nay./.

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY...

(Tiếp theo trang 47)

- Đàm thoại giải thích minh họa: Đây là hình thức đàm thoại nhằm mục đích làm sáng tỏ một vấn đề nào đó, giảng viên lần lượt nêu ra những câu hỏi kèm theo những ví dụ minh họa để giúp học viên dễ nhớ, dễ hiểu (phương pháp này đặc biệt có hiệu quả khi có sự hỗ trợ của các phương tiện nghe nhìn).

- Đàm thoại tìm tòi - phát hiện: Hình thức đàm thoại này là việc giảng viên tổ chức cuộc trao đổi ý kiến, kể cả tranh luận giữa giảng viên và cả lớp, có khi giữa giảng viên với học viên, thông qua đó học viên ôn lại tri thức cũ và hình thành các tri thức mới.

Tùy theo từng chủ đề, người dạy đặt ra các câu hỏi tình huống gắn với thực tiễn hoặc chiếu 1 đoạn phim liên quan đến chủ đề học rồi phát vấn. Ví dụ khi giảng về nội dung kinh tế của liên minh công - nông - trí thức thì giảng viên chiếu một đoạn tư liệu về tình hình “được mùa mất giá” của nông sản từ đó đặt ra câu hỏi cần thực hiện liên minh trên

lĩnh vực kinh tế như thế nào để khắc phục tình trạng trên?... Sau đó giảng viên khái quát kiến thức lý luận, nêu nên tầm quan trọng nội dung kinh tế của liên minh công - nông - trí thức và chỉ rõ đây là trọng tâm, là lĩnh vực quan trọng nhất của liên minh...

Như vậy, áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực vào chuyên đề Chủ nghĩa xã hội khoa học phải xác định là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và lâu dài để góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Đây được coi là cốt lõi trong việc lấy người học làm trung tâm, kích thích tư duy, sáng tạo, sự tập trung của học viên./.

Tài liệu tham khảo

Đình Văn Đức - Dương Thuý Nga (đồng chủ biên): *Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân ở trường THPT*, Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội, 2009, tr.223.

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TUYÊN TRUYỀN VÀO GIẢNG DẠY PHẦN HỌC “NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM VÀ ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN Ở CƠ SỞ”

ThS. Nguyễn Thị Nhung Trang
Phó Trưởng khoa Xây dựng Đảng

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác tuyên truyền

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Lãnh tụ vĩ đại và kính yêu của Đảng và dân tộc Việt Nam, trong cuộc đời hoạt động cách mạng, Người đã dành nhiều sự quan tâm đến công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng, Người xem đó là công việc quan trọng không chỉ để tạo nên lực lượng to lớn của cách mạng mà còn góp phần vào công tác xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh. Không chỉ đưa ra cơ sở lý luận và thực tiễn của công tác tuyên truyền mà Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là tấm gương mẫu mực trong phong cách thực hiện công tác tuyên truyền. Những nội dung cơ bản, những quan điểm cốt yếu của Người về công tác tuyên truyền chính là chỉ dẫn cơ bản về phương pháp cho cán bộ khi tiến hành công tác tuyên truyền, vận động quần chúng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn xác định công tác tuyên truyền có vị trí “hàng đầu”, có vai trò “đặc biệt quan trọng” trong sự nghiệp cách mạng. Công việc đầu tiên mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tiến hành ngay sau khi đã tìm thấy con đường cứu nước chính là công tác tuyên truyền. Người trực tiếp diễn thuyết, viết tài liệu, làm báo, tổ chức lớp huấn luyện cán bộ để truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin và con đường cách mạng Việt Nam, tạo tiền đề cho sự ra đời của Đảng. Khi bàn về người tuyên truyền và cách tuyên truyền, Chủ tịch

Hồ Chí Minh cho rằng: “Tuyên truyền là đem một việc gì đó nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm. Nếu không đạt được mục đích đó là tuyên truyền thất bại”¹. Muốn thành công phải biết cách tuyên truyền, phải biết cách nói. Cán bộ tuyên truyền cần xác định rõ ràng nội dung, đối tượng, mục đích và phương pháp: “Tuyên truyền cái gì? Tuyên truyền cho ai? Tuyên truyền để làm gì? Tuyên truyền bằng cách nào?”² Trong đó, việc nắm vững đối tượng được tuyên truyền là quan trọng nhất vì đối tượng không chỉ quy định nội dung, mà còn quy định việc lựa chọn phương pháp tuyên truyền, không thể dùng một phương pháp tuyên truyền cho mọi đối tượng. Vì vậy, để đạt được mục đích tuyên truyền thì người tuyên truyền cần phải nắm chắc đối tượng được tuyên truyền.

Để nâng cao hiệu quả tuyên truyền, bên cạnh việc xác định đối tượng, nội dung, phương pháp, mục đích tuyên truyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn đề cập đến vai trò có ý nghĩa quyết định của người tuyên truyền. Người quan niệm tuyên truyền cách mạng là một hoạt động thống nhất trên ba mặt: Thứ nhất, nhận thức về mục đích và vai trò của tuyên truyền; thứ hai, phương pháp tuyên truyền; thứ ba, yêu cầu đối với người làm công tác tuyên truyền. Cả ba mặt luôn luôn thống nhất với nhau, liên hệ tác động qua lại lẫn nhau, trong đó nhận thức mục đích đóng vai trò chủ đạo, chi phối trực tiếp đến mọi

phương pháp tuyên truyền. Quá trình từ nhận thức đến phương pháp tuyên truyền đều thông qua con người cụ thể, do đó, người tuyên truyền là yếu tố có ý nghĩa quyết định. Theo Người, muốn đạt hiệu quả tuyên truyền, cán bộ phải tìm hiểu để có kiến thức về trình độ nhân dân nơi mình đến tuyên truyền cùng những phong tục, tập quán của địa phương ấy, nghĩa là phải nắm vững đối tượng, nắm chắc thực tiễn *“bởi vì đời sống, trình độ đồng bào ... khác nhau cho nên tuyên truyền huấn luyện phải khác nhau”*³. Tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tuyên truyền đã góp phần quan trọng trong việc đưa chủ trương đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống; vận động, tập hợp, tạo ra sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc - nhân tố cơ bản để giành thắng lợi trong đấu tranh giải phóng dân tộc. Hiện nay, việc tiến hành công tác tuyên truyền là một nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị từ Trung ương xuống cơ sở và đó là yêu cầu cấp thiết bảo đảm sự phát triển của đất nước.

2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về tuyên truyền vào giảng dạy phần học “Nghị quyết công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể nhân dân ở cơ sở”

Khoa Xây dựng Đảng Trường Chính trị tỉnh Thái Bình phụ trách giảng dạy bốn học phần trong chương trình trung cấp lý luận chính trị - hành chính, đó là: Những vấn đề cơ bản về đảng cộng sản và lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội; Nghiệp vụ công tác Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân ở cơ sở, nghiệp vụ công tác Đảng ở cơ sở. Trong đó học phần Nghiệp vụ công tác Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân ở cơ sở với 6 chuyên đề: Nghiệp vụ công tác Mặt trận Tổ quốc và vận động xây dựng khối đại đoàn

kết dân tộc ở cơ sở; Nghiệp vụ công tác Công đoàn và vận động công dân ở cơ sở; Nghiệp vụ công tác Hội nông dân và vận động nông dân ở cơ sở; Nghiệp vụ công tác Đoàn thanh niên và vận động thanh niên ở cơ sở; Nghiệp vụ công tác Hội Phụ nữ và vận động phụ nữ ở cơ sở; Nghiệp vụ công tác Hội Cựu chiến binh và vận động cựu chiến binh ở cơ sở. Kết cấu, bố cục của 6 chuyên đề đều có đề cập đến nội dung tuyên truyền và nghiệp vụ tuyên truyền của Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) và các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở.

Trong những năm qua, các giảng viên ở Khoa Xây dựng Đảng Trường Chính trị tỉnh Thái Bình, khi giảng dạy các chuyên đề trong phần Nghiệp vụ công tác Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở đều chú trọng tới việc vận dụng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tuyên truyền vào các bài giảng.

Việc vận dụng tư tưởng đó của Người phù hợp với từng nội dung giảng dạy của các chuyên đề, làm cho nội dung bài giảng rõ ràng, dễ hiểu và có tính thuyết phục cao. Chính vì vậy, giảng viên soạn giảng đều phải xác định rõ: Những nội dung MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở cần tuyên truyền là gì? Đối tượng cần tuyên truyền? Cách thức tuyên truyền như thế nào? Các bước tiến hành tuyên truyền? Và mục đích tuyên truyền để làm gì? Cụ thể:

Về nội dung tuyên truyền: Tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền, khuyến khích thành viên, hội viên, đoàn viên ở cơ sở thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương; tuyên truyền, giáo dục nâng cao trình độ dân trí, khoa học - kỹ thuật, công nghệ và kiến thức quản lý kinh tế cho các thành viên, hội viên (nông dân, phụ nữ, cựu chiến binh, đoàn thanh niên); tuyên truyền,

giáo dục thành viên, hội viên, đoàn viên phát huy truyền thống cách mạng của dân tộc, của Đảng; tuyên truyền cho thành viên, hội viên, đoàn viên hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; ...

Về đối tượng tuyên truyền: Đó là các cán bộ hội, hội viên, thành viên và đoàn viên với mục đích là nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong nhân dân; phát huy tinh thần tự giác, hăng hái cách mạng, nâng cao lòng yêu nước; tin tưởng vào mục tiêu lý tưởng cách mạng, vào sự lãnh đạo của Đảng.

Về hình thức: Tuyên truyền miệng; tuyên truyền thông qua sinh hoạt chi hội, tổ hội, qua các câu lạc bộ; tuyên truyền thông qua sử dụng hệ thống thông tin đại chúng; tuyên truyền thông qua hoạt động thư viện, sách báo, tranh ảnh, nhà văn hóa, các câu lạc bộ; các hình thức trực quan như khẩu hiệu, panô, áp phích, tờ rơi...; tuyên truyền thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, tổ chức lễ hội truyền thống; tuyên truyền thông qua các hoạt động tham quan thực tế, báo cáo điển hình, học tập gương người tốt việc tốt...

Về phương pháp tuyên truyền: Phương pháp thuyết phục, phương pháp nêu gương, phương pháp ám thị.

Trong những vấn đề trên, giảng viên chú trọng làm cho học viên hiểu rõ, việc xác định đối tượng tuyên truyền là rất quan trọng. Điều này Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Người tuyên truyền không điều tra, không phân tích, không nghiên cứu, không hiểu biết quần chúng, chỉ gặp sao nói vậy, bạ gì viết nấy, nhất định thất bại. Đối với mỗi đối tượng, cần phải có phương thức tuyên truyền phù hợp.

Ngoài ra, làm cho học viên thấy được tầm quan trọng của cán bộ tuyên truyền. Đối với người tuyên truyền cần phải chịu khó, chịu khổ, khéo ở, siêng làm, phải có tình yêu thương và nhiệt tình cách mạng. Một khi cán

bộ tuyên truyền đã hòa mình vào với nhân dân, hiểu nhân dân, xây dựng tình cảm tốt nhất với nhân dân, chắc chắn hoạt động tuyên truyền sẽ tạo được sức cuốn hút và cảm hóa mọi người.

Tuy nhiên, trong quá trình vận dụng tư tưởng tuyên truyền của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào các bài giảng cũng có những khó khăn, bất cập nhất định: Giảng viên phần lớn chưa được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về tư tưởng Hồ Chí Minh; khi vận dụng tư tưởng tuyên truyền của Bác vào bài giảng được thuyết phục thì giảng viên cần phân tích làm rõ, nhưng như vậy sẽ gây mất cân đối nội dung, thời gian giữa các mục trong bài giảng; có lúc phân tích còn dài dòng, chưa logic; học viên cũng chưa chủ động tham gia khi giảng viên sử dụng các phương pháp dạy học tích cực.

Để vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về tuyên truyền vào giảng dạy phần học “Nghịệp vụ công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể nhân dân ở cơ sở” cần thực hiện tốt một số yêu cầu sau:

Một là, giảng viên cần nắm vững, thấm nhuần tư tưởng của Hồ Chí Minh trong đó có tư tưởng về tuyên truyền. Muốn vậy, đòi hỏi mỗi giảng viên phải không ngừng học tập, nghiên cứu tư tưởng của Người, bằng hình thức tự học, tự nghiên cứu hoặc tham gia các lớp bồi dưỡng về kỹ năng, nghiệp vụ của các đoàn thể, nghe các buổi nói chuyện về tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, giảng viên biết vận dụng tư tưởng về tuyên truyền của Người vào các bài giảng một cách hợp lý. Mỗi giảng viên trong quá trình soạn bài cần xác định đối tượng học viên ở từng lớp từ đó xác định nội dung trọng tâm bài giảng, phần nào vận dụng và chỉ nên vận dụng những nội dung cốt lõi trong tư tưởng tuyên truyền của Người, tránh tình trạng giảng

lan man về tư tưởng tuyên truyền của Bác. Qua đó, giúp cho học viên hiểu và biết vận dụng vào công tác ở địa phương.

Ba là, thực hiện mỗi giảng viên cũng là cán bộ tuyên truyền và tích cực làm công tác tuyên truyền. Để truyền tải nội dung bài giảng thiết thực, hiệu quả, mỗi giảng viên nên xem mình là cán bộ đang làm công tác tuyên truyền. Do đó, khi giảng dạy cần xác định rõ đối tượng học viên để vận dụng cho phù hợp. Muốn nâng cao hiệu quả giảng dạy thì giảng viên (người tuyên truyền) phải là người hiểu biết rộng, đặc biệt là nhận thức sâu về việc mình tuyên truyền; không những có đủ kiến thức lý luận mà phải có vốn sống phong phú.

Bốn là, tăng cường và đổi mới phương pháp giảng dạy, tích cực sử dụng các phương tiện hiện đại vào thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về tuyên truyền vào công tác giảng dạy.

Năm là, thường xuyên tổ chức tọa đàm,

rút kinh nghiệm về việc vận dụng tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào giảng dạy. Nội dung của việc tọa đàm, rút kinh nghiệm phải tập trung vào đánh giá những kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế yếu kém của các giảng viên trong việc vận dụng. Từ đó, đề ra những giải pháp cụ thể, phù hợp để đẩy mạnh thực hiện trong thời gian tới.

Việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về tuyên truyền vào giảng dạy phần học “Nghệ thuật công tác Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể nhân dân ở cơ sở” là việc làm có ý nghĩa thiết thực giúp học viên hiểu sâu sắc hơn về công tác tuyên truyền, vận động quần chúng và biết vận dụng những giá trị tư tưởng đó của Người vào trong quá trình công tác./.

Tài liệu tham khảo

1. *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002, tập 5, tr. 162.
2. Sđd, tập 5, tr. 128.
3. Sđd, tập 5, tr. 128.

NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ỦY CẤP XÃ TRONG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO NHANH VÀ BỀN VỮNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI BÌNH

ThS. Trần Lệ Chi

Giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật

Tình trạng nghèo đói từ lâu đã trở thành vấn đề cấp thiết của mọi quốc gia trong đó có Việt Nam. Giải quyết vấn đề đói nghèo là giải quyết các vấn đề về an sinh xã hội, đảm bảo sự hưng thịnh của một quốc gia. Trong những năm qua, Thái Bình là địa phương thực hiện tốt phong trào “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau” và là tỉnh thực hiện có hiệu quả

chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình và Quyết định số 575/QĐ-LĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố kết quả rà soát hộ nghèo hộ cận nghèo năm 2020 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020, Thái Bình xếp hạng thứ 32/63 về tỷ lệ hộ nghèo (2,35%). Qua 5 năm thực hiện,

tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh Thái Bình đã giảm gần 3% (từ 5,27% năm 2016 xuống còn 2,35% năm 2020). Cùng với tỷ lệ hộ nghèo giảm, tỷ lệ hộ cận nghèo toàn tỉnh cũng giảm từ 3,41% năm 2016 xuống còn 2,56% năm 2020. Mặc dù đã đạt được những kết quả quan trọng, nhưng trong giai đoạn hiện nay, vòng xoáy của đại dịch Covid-19 với diễn biến phức tạp đã tác động sâu sắc đến đời sống, sinh kế của nhiều người nhất là những nhóm người dễ bị tổn thương như hộ nghèo và cận nghèo, khiến cho công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh gặp nhiều khó khăn.

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả chính sách giảm nghèo và hiện thực hóa mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XX đề ra “đến năm 2025, Thái Bình giảm $\frac{1}{3}$ số hộ nghèo so với năm 2020”. Trong giai đoạn tiếp theo cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sáng tạo và đột phá của các cấp ủy đảng, các cơ quan nhà nước tỉnh Thái Bình. Trong đó, Đảng ủy cấp xã có vai trò quan trọng, bởi cấp xã là nơi trực tiếp tổ chức triển khai, biến chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành hiện thực cuộc sống. Trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững, năng lực của Đảng ủy cấp xã được thể hiện một cách toàn diện từ năng lực đề ra nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội sát đúng; năng lực tổ chức và chỉ đạo thực hiện, động viên, quy tụ quần chúng đến năng lực kiểm tra, giám sát toàn bộ công việc của Đảng ủy.

Thực tiễn những năm qua cho thấy, cấp ủy đảng các cấp đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo và đã đạt được những kết quả tích cực. Để tạo cơ hội và điều kiện cho hộ nghèo tự lực vươn lên phát triển kinh tế, tăng thu nhập, thụ hưởng các chính sách xã hội, nhiều cấp ủy Đảng ở

các xã đã chủ động, sáng tạo tìm ra hướng đi phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương nên việc thực hiện giảm nghèo đã đạt được những kết quả bước đầu quan trọng; hệ thống kết cấu hạ tầng của địa phương từng bước được hiện đại hoá; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; bản sắc văn hóa của vùng miền, môi trường sinh thái từng bước được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao.

Tuy nhiên, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy đảng cấp xã vẫn còn hạn chế như: Việc quán triệt, vận dụng và cụ thể hoá nghị quyết, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước thành các giải pháp, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng nông thôn mới gắn với giảm nghèo nhanh và bền vững của một số cấp ủy đảng còn lúng túng, hiệu quả thấp. Đời sống nhân dân một số xã còn gặp nhiều khó khăn về đời sống, nhà ở, mắc bệnh hiểm nghèo rất cần sự quan tâm, chung tay giúp đỡ của cộng đồng. Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khai thác và huy động có hiệu quả các nguồn lực, lợi thế của địa phương để phát triển kinh tế, xoá đói, giảm nghèo còn chậm. Vẫn còn một số nơi cấp ủy bao biện làm thay chính quyền, trực tiếp chỉ đạo cụ thể các công trình xây dựng cơ bản, các dự án đầu tư; có nơi cấp ủy lại buông lỏng lãnh đạo chính quyền trong phát triển kinh tế - xã hội, quản lý tài nguyên, khoáng sản, xây dựng cơ bản...

Từ thực tiễn đó, để nâng cao năng lực lãnh đạo của đảng ủy cấp xã trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, nâng cao năng lực xây dựng, ban hành và lãnh đạo tổ chức thực hiện chủ

trương, nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững của Đảng ủy cấp xã.

Chủ trương, nghị quyết của Đảng ủy cấp xã cần sát đúng với điều kiện thực tế của địa phương và có tính khả thi. Theo đó, việc xây dựng nghị quyết, chương trình kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo cần có sự đổi mới, trước hết là trong điều tra, khảo sát đến thảo luận, quyết định và ban hành nghị quyết, chương trình hành động. Việc xây dựng, ban hành nghị quyết, chương trình hành động cần dựa trên cơ sở thực tế khách quan, phát huy có lợi thế của địa phương; chú trọng vào các lĩnh vực trọng yếu, lựa chọn khâu đột phá như: phát triển các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã; chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi; đổi mới hình thức tổ chức sản xuất; áp dụng tiến bộ - khoa học kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi, trong bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm... Sau khi ban hành nghị quyết, Đảng ủy cấp xã cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm.

Hai là, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền cụ thể hoá các chủ trương, nghị quyết thành kế hoạch, chương trình cụ thể, phù hợp với tình hình thực tiễn để tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Khâu tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững của chính quyền cấp xã có vai trò quan trọng trong việc đưa nghị quyết vào cuộc sống. Vì vậy, Đảng ủy cấp xã cần quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chính quyền cụ thể hoá chủ trương, nghị quyết thành các cơ chế, chính sách phù hợp để thực hiện như: rà soát, điều chỉnh quy hoạch, tuyên truyền vận động người dân thay đổi tập quán sản xuất, chuyển đổi cây trồng vật nuôi, thực hiện thâm canh, chuyên canh, ứng dụng các tiến

bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; tập trung chỉ đạo quản lý sử dụng lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn được đầu tư hỗ trợ từ các chương trình quốc gia về xoá đói giảm nghèo, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư để làm tăng hiệu quả trong thực hiện các chính sách, dự án của cấp trên. Khai thác sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khoáng sản; ngăn chặn và đẩy lùi tệ nạn xã hội; vận động nhân dân thực hiện chi tiêu hợp lý, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc cưới, việc tang và lễ hội; bảo lưu gìn giữ bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái. Chỉ đạo chính quyền rà soát, phân loại hộ nghèo, xác định nguyên nhân nghèo, đối tượng nghèo; phân công nhiệm vụ, xác định rõ trách nhiệm, thời gian thực hiện cho các ban, ngành, đoàn thể và cán bộ, đảng viên về việc hướng dẫn, giúp đỡ, hỗ trợ hộ nghèo, thoát nghèo...

Ba là, nâng cao năng lực lãnh đạo của đảng ủy trong việc phát huy vai trò nòng cốt của MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững.

Cấp uỷ đảng phải thường xuyên định hướng nội dung hoạt động cho MTTQ, các đoàn thể chính trị - xã hội. Định kỳ cấp uỷ đảng làm việc với MTTQ và các đoàn thể, nghe báo cáo, nắm bắt tình hình tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị, đề xuất chính đáng của nhân dân về phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói, giảm nghèo... Phát huy vai trò của người có uy tín trong việc vận động các hộ gia đình phát triển kinh tế; phát huy và giữ gìn bản sắc truyền thống tốt đẹp, xoá bỏ các phong tục tập quán lạc hậu, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong chi tiêu. Xây dựng các mô hình, điển hình trong phát triển kinh tế - xã hội, từ đó nhân rộng các mô hình hay, kinh nghiệm tốt ra diện rộng, kịp thời khen

thường đề động viên, khích lệ tạo phong trào thi đua rộng khắp trong nhân dân

Bốn là, tăng cường sự lãnh đạo của đảng ủy trong phát huy vai trò của các chi bộ đảng, tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên.

Đảng ủy cần quan tâm, tăng cường hơn nữa công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên; chỉ đạo cho các chi bộ khảo sát, nắm chắc tình hình hộ nghèo trên địa bàn, phân công giao nhiệm vụ cho từng đảng viên trực tiếp giúp đỡ từng hộ nghèo; hàng tháng, hàng quý các đảng viên được phân công phải báo cáo kết quả cụ thể với chi bộ và xem đây như một tiêu chí để đánh giá, xếp loại đảng viên. Đồng thời, phát huy tính tiên phong gương mẫu của đảng viên trong phát triển kinh tế - xã hội, đi đầu trong các phong trào thi đua xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư theo phương châm “đảng viên đi trước, làng nước theo sau”, nhất trong phong trào xây dựng các mô hình kinh tế, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang... Từ đó, cổ vũ, động viên quần chúng nhân dân trong phát triển kinh tế, làm giàu chính đáng.

Năm là, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra giám sát của đảng ủy cấp xã đối với tổ chức đảng và đảng viên trong phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững

Kiểm tra, giám sát góp phần nâng cao chất lượng lãnh đạo, làm cho sự lãnh đạo của cấp ủy đảng gắn với thực tiễn hơn. Thực tế ở đảng bộ các xã tỉnh Thái Bình hiện nay cho thấy, nhiều cấp ủy chưa thực sự quan tâm đến công tác kiểm tra giám sát nên hiệu quả thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo còn thấp. Theo đó, đổi mới và nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy đối với tổ chức đảng và

đảng viên là hết sức cần thiết. Trong đó, tập trung kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chủ trương, nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững; việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng. Tăng cường kiểm tra, giám sát đến các lĩnh vực nhạy cảm dễ phát sinh sai phạm như: Quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản, tài chính, ngân sách, tổ chức cán bộ; chủ động phòng ngừa và xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí... để mỗi tổ chức cơ sở đảng thực sự là hạt nhân trong việc giữ được vai trò lãnh đạo.

Thực hiện đồng bộ và hiệu quả các giải pháp trên sẽ nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng ủy cấp xã trong định hướng thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững, cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân đặc biệt là hộ nghèo, hộ cận nghèo, sớm thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa các địa phương trong tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị mà Đảng bộ tỉnh Thái Bình đề ra./.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021
2. Đảng bộ tỉnh Thái Bình, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Bình lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025
3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Quyết định số: 575/QĐ-LĐTBXH công bố kết quả rà soát hộ nghèo hộ cận nghèo năm 2020 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020
4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Quyết định số 1052/QĐ-LĐTBXH công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2018 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ TỈNH THÁI BÌNH GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS. Trần Đăng Lâm

Giảng viên Khoa Xây dựng đảng

Công tác tuyên truyền là phương pháp quan trọng để phổ biến, truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những vấn đề thời sự lớn của đất nước, của quốc tế và của địa phương. Thời gian qua, công tác tuyên truyền đã thể hiện vai trò là mũi nhọn xung kích, là vũ khí sắc bén trong việc cung cấp và định hướng thông tin trước những diễn biến phức tạp, khó lường của tình hình trong nước và quốc tế. Trong giai đoạn hiện nay, trước tình hình trong nước có nhiều diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 tác động lớn đến tình hình kinh tế, xã hội, đòi hỏi Đảng, Nhà nước cần phải có những quyết sách nhanh chóng, kịp thời để khắc phục những khó khăn, giải quyết các vấn đề cấp bách, công tác tuyên truyền càng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức chính trị của cán bộ, đảng viên và nhân dân; tạo sự thống nhất trong Đảng, đồng thuận trong xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, trong đó hệ thống chính trị cơ sở đóng vai trò quan trọng trong công tác tổ chức thực hiện cũng như tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến các tầng lớp nhân dân trong xã hội.

Hệ thống chính trị ở cơ sở bao gồm: Đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội. Hệ thống chính trị ở cơ sở có vai

trò rất quan trọng trong việc tổ chức và vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, huy động mọi khả năng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng..., để thực hiện nhiệm vụ này, công tác tuyên truyền giữ vai trò rất quan trọng. Đối với hệ thống chính trị cơ sở tỉnh Thái Bình, công tác tuyên truyền được các cấp ủy đảng rất quan tâm và xác định rõ đây là nhiệm vụ quan trọng của hệ thống chính trị cơ sở.

Đánh giá kết quả công tác tuyên truyền của hệ thống chính trị cơ sở tỉnh Thái Bình có thể nhận thấy những kết quả đạt được trên các mặt như:

- Các hình thức tuyên truyền của hệ thống chính trị cơ sở khá đa dạng, phong phú như: tổ chức các hội nghị triển khai quán triệt nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tăng cường hoạt động của hệ thống đài truyền thanh cơ sở; đẩy mạnh các hình thức cổ động trực quan bằng panô, khẩu hiệu, băng rôn...; lồng ghép trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao...

- Thường xuyên rà soát, củng cố, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của tổ chức mình nhằm tăng cường, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền

ở cơ sở. Gắn công tác tuyên truyền với tăng cường nắm bắt tình hình tư tưởng, dư luận xã hội trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân trên địa bàn để kịp thời phản ánh, tham mưu nội dung giải quyết với cấp ủy.

- Nội dung tuyên truyền của hệ thống chính trị cơ sở đã bám sát thực tiễn, đối tượng, bám sát các sự kiện chính trị và các chủ đề trọng tâm, trọng điểm về tình hình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, công tác xây dựng Đảng, xây dựng quốc phòng - an ninh; biểu dương, cổ vũ những nhân tố mới, những tập thể và cá nhân điển hình tiên tiến, gương “Người tốt, việc tốt” trong các phong trào thi đua yêu nước, trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Chất lượng và hiệu quả của công tác tuyên truyền của hệ thống chính trị cơ sở được nâng lên rõ rệt, nội dung thông tin luôn được đổi mới, phong phú, vừa chuyên sâu, vừa có tính toàn diện đã góp phần tạo sự thống nhất nhận thức, tư tưởng và hành động trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội, tăng cường sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh.

Tuy nhiên, công tác tuyên truyền của hệ thống chính trị cơ sở ở Thái Bình vẫn còn những hạn chế sau:

- Một số nội dung tuyên truyền chưa được chọn lọc kỹ lưỡng, chưa thực sự có trọng tâm, trọng điểm. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách, pháp luật ở một số địa phương chưa kịp thời, hiệu quả chưa cao; nhiều nơi thực hiện còn mang tính hình thức, đối phó; việc nắm bắt tình hình, định hướng dư luận xã hội để tổ chức tuyên truyền có lúc chưa kịp thời.

- Còn có sự chông chéo cả về nội dung và hình thức công tác tuyên truyền của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở.

- Hình thức tuyên truyền chưa thật phù hợp với trình độ dân trí, nhận thức và điều kiện sống của người dân ở từng địa phương. Các hình thức, biện pháp tuyên truyền chưa được đổi mới, thiếu sáng tạo với từng địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khác nhau; lạm dụng quá nhiều hình thức tuyên truyền trực quan.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên truyền còn hạn chế về nghiệp vụ, kỹ năng tuyên truyền; thường kiêm nhiệm, một bộ phận không nhỏ vẫn chưa thực sự toàn tâm với công việc. Kinh phí bố trí cho công tác tuyên truyền chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện chưa đáp ứng yêu cầu của công tác tuyên truyền.

Để khắc phục những khó khăn, hạn chế trên, nâng cao hơn nữa chất lượng công tác tuyên truyền, nhất là công tác tuyên truyền ở cơ sở trong thời gian tới, các cấp ủy cần tập trung một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác tuyên truyền, các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở cần nhất quán trong nhận thức và trong chỉ đạo thực hiện công tác tuyên truyền, xác định rõ đâu là nhiệm vụ tuyên truyền chung của địa phương, đâu là nhiệm vụ tuyên truyền của tổ chức mình, tránh sự chông chéo trong công tác tuyên truyền giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị; xác định rõ đâu là nội dung tuyên truyền trong từng giai đoạn cụ thể, đâu là nhiệm vụ tuyên truyền thường xuyên, liên tục. (Ví dụ: có giai đoạn cần tập trung tuyên truyền xây dựng nông thôn mới; có giai đoạn cần tập trung tuyên truyền Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp; hiện nay tập trung tuyên truyền phòng chống dịch bệnh...)

Thứ hai, tiếp tục đổi mới hình thức công tác tuyên truyền theo hướng *thông tin hai chiều*, trong quá trình tuyên truyền cần tăng

cường đối thoại giữa chủ thể và đối tượng tuyên truyền nhằm đánh giá nhu cầu, nắm bắt thông tin của đối tượng, đồng thời đánh giá nhanh được hiệu quả công tác tuyên truyền, từ đó kịp thời sử dụng những biện pháp, cách thức, phương pháp tuyên truyền phù hợp, đạt hiệu quả cao nhất.

Thứ ba, sử dụng đa dạng và có hiệu quả các phương pháp tuyên truyền, tùy từng nội dung mà sử dụng các phương pháp cho phù hợp như khi nào thì tuyên truyền trực quan, khi nào thì tuyên truyền miệng; đặc biệt trong giai đoạn hiện nay cần đẩy mạnh việc sử dụng công nghệ thông tin và internet trong công tác tuyên truyền như: có thể thông qua các mạng xã hội phổ biến như facebook, zalo...; qua các phương tiện thông tin đại chúng khác; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; kết hợp nhiều phương pháp, cách thức tuyên truyền cho một nội dung...

Thứ tư, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở trong việc cung cấp thông tin, định hướng tuyên truyền, nhất là các chương trình, kế hoạch, các dự án phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm của địa phương; tuyên truyền đấu tranh phản bác các thông tin, quan điểm xuyên tạc chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chống lại âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch chống phá Đảng, nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

Thứ năm, tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác tuyên truyền; thường xuyên củng cố, kiện toàn đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên ở cơ sở theo hướng nâng cao chất lượng, lựa chọn những người có đủ phẩm chất, năng lực, có kỹ năng, phương pháp tuyên truyền và có uy tín trong nhân dân làm công tác tuyên truyền; tiếp tục tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho lực lượng làm công tác tuyên truyền

ở cơ sở... đồng thời, xác định rõ mỗi cán bộ, đảng viên phải là chủ thể trong công tác tuyên truyền ở cơ sở.

Công tác tuyên truyền có vai trò, vị trí quan trọng, góp phần tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân, tăng cường sự đồng thuận trong xã hội, công tác tuyên truyền có vai trò quan trọng trong việc đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đi vào thực tế cuộc sống. Đối với tỉnh Thái Bình, trong những năm qua, công tác tuyên truyền của hệ thống chính trị cơ sở đã góp phần to lớn trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước nói chung và những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của tỉnh nói riêng, vì vậy, trong những năm tới hệ thống chính trị cơ sở tỉnh Thái Bình cần tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, đồng thời cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp nhằm đạt hiệu quả cao hơn nữa trong công tác tuyên truyền ở cơ sở./.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Bình (2018): *Kỷ yếu tọa đàm xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020*.
2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Giáo trình: *Một số kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở*, Nxb. Lý luận chính trị Hà Nội, 2014.
3. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Giáo trình: *Một số kỹ năng cơ bản trong lãnh đạo, quản lý của cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2017.
4. Trường Đại học Kinh tế quốc dân, *Kỹ năng thuyết trình*, Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân, 2009.

SỐ 01 - Ngày 15/11/2021

Giấy phép xuất bản số: 104/GP-XBBT do
Sở Thông tin và Truyền thông cấp ngày 04/11/2021